ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH

TRƯỜNG MẦM NON MAI THÔN

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – NĂM 2021

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH

TRƯỜNG MẦM NON MAI THÔN

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Nguyễn Thị Thu Hằng	Hiệu trưởng	Chủ tịch hội đồng	
2	Nguyễn Thị Minh Ngọc	Phó hiệu trưởng	Phó chủ tịch hội đồng	
3	Nguyễn Thị Hường	Văn thư	Thư ký hội đồng	
4	Nguyễn Thị Thu Trang	Phó hiệu trưởng	Ủy viên hội đồng	
5	Lê Thị Sương	Phụ trách y tế	Ủy viên hội đồng	
6	Hoàng Bích Giang	Tổ trưởng tổ Lá	Ủy viên hội đồng	
7	Nguyễn Thị Hồng Sáng	Tổ trưởng tổ Chồi	Ủy viên hội đồng	
8	Trần Thị Hiền	Tổ trưởng tổ Mầm	Ủy viên hội đồng	
9	Trần Thị Vinh	Tổ trưởng tổ Nhà trẻ	Ủy viên hội đồng	
10	Trần Thị Lưu	Bếp trưởng	Ủy viên hội đồng	

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – NĂM 2021

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	3
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	5
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	11
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	11
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	13
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3	13
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	13
Mở đầu	13
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	13
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác	15
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	17
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	19
Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo	22
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	23
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	25
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	27
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	28
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	30
Kết luận về Tiêu chuẩn 1	32
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	33
Mở đầu	33
Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	33

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên	35
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	37
Kết luận về Tiêu chuẩn 2	39
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	40
Mở đầu	40
Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn	40
Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập	43
Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính-quản trị	45
Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn	47
Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi	49
Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước	51
Kết luận về Tiêu chuẩn 3	53
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	53
Mở đầu	53
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh	54
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp các tổ chức, cá nhân của nhà trường	55
Kết luận về Tiêu chuẩn 4	57
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ	58
Mở đầu	58
Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non	58
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ	60
Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe	62
Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục	65
Kết luận về Tiêu chuẩn 5	67
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	68
Phần IV. PHỤ LỤC	70

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	*Mức 2*	*Mức 3*
Tiêu chuẩn 1		x		
Tiêu chí 1.1		x		
Tiêu chí 1.2		x		
Tiêu chí 1.3		x		
Tiêu chí 1.4		x	x	
Tiêu chí 1.5		x		
Tiêu chí 1.6		x		
Tiêu chí 1.7		x		
Tiêu chí 1.8		x		
Tiêu chí 1.9		x		
Tiêu chí 1.10		x		
Tiêu chuẩn 2		x		
Tiêu chí 2.1		x		
Tiêu chí 2.2		x		
Tiêu chí 2.3		x		
Tiêu chuẩn 3		x		
Tiêu chí 3.1		x		
Tiêu chí 3.2		x		
Tiêu chí 3.3		x		
Tiêu chí 3.4		x	x	
Tiêu chí 3.5		x		
Tiêu chí 3.6		x		
Tiêu chuẩn 4		x		

Tiêu chí 4.1		x		
Tiêu chí 4.2		x		
Tiêu chuẩn 5		x		
Tiêu chí 5.1		x		
Tiêu chí 5.2		x		
Tiêu chí 5.3		x		
Tiêu chí 5.4		x		

Kết quả: Đạt Mức 1

2. Kết luận:

Trường đạt Mức 1.

Phần I

CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường (theo quyết định mới nhất): Trường Mầm non Mai Thôn

Tên trước đây (nếu có): Trường Mầm non Tư thục Mai Thôn.

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh.

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	Hồ Chí Minh	Họ và tên hiệu trưởng	Nguyễn Thị Thu Hằng
Huyện/quận /thị xã / thành phố	quận Bình Thạnh	Điện thoại	028.3556.6162
Xã / phường/thị trấn	Phường 28	Fax	Không
Đạt CQG	Không	Website	Không
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	2002	Số điểm trường	01
Công lập	Không	Loại hình khác	Không
Tư thục	x	Thuộc vùng khó khăn	Không
		Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	Không
Trường liên kết với nước ngoài	Không		

1. Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo

Số nhóm, lớp	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021

Nhóm trẻ từ 3 đến 12 tháng tuổi	0	0	0	0	0
Nhóm trẻ từ 13 đến 24 tháng tuổi	0	0	0	0	0
Nhóm trẻ từ 25 đến 36 tháng tuổi	02	02	02	02	02
Số lớp mẫu giáo 3-4 tuổi	02	02	02	02	02
Số lớp mẫu giáo 4-5 tuổi	02	02	02	02	03
Số lớp mẫu giáo 5-6 tuổi	02	02	02	02	03
Cộng	08	08	08	08	10

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Ghi chú
I	Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo	08	08	08	08	10	
1	Phòng kiên cố	08	08	08	08	10	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
II	Khối phòng phục vụ học tập	01	01	01	01	01	
1	Phòng kiên cố	01	01	01	01	01	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
III	Khối phòng hành chính quản trị	01	03	03	03	03	
1	Phòng kiên cố	01	03	03	03	03	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
IV	Khối phòng tổ chức ăn	0	0	0	0	0	

	Các phòng khác (nếu có)	0	0	0	0	0	
	Cộng	10	12	12	12	14	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá: Tháng 10 năm 2021

	Tổng số	**Nữ**	**Dân tộc**	**Trình độ đào tạo**			**Ghi chú**
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Chủ trường	01	01	Kinh	01	0	0	
Hiệu trưởng	01	01	Kinh	0	0	01	
Phó hiệu trưởng	02	02	Kinh	0	0	02	
Giáo viên	20	20	Kinh	0	14	06	
Nhân viên	05	05	Kinh	03	02	0	
Cộng	29	29	Kinh	04	19	09	

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

TT	**Số liệu**	**Năm học 2016-2017**	**Năm học 2017-2018**	**Năm học 2018-2019**	**Năm học 2019-2020**	**Năm học 2020-2021**
1	Tổng số giáo viên	15	16	16	16	20
2	Tỉ lệ trẻ em/ giáo viên (đối với nhóm trẻ)	20/2 = 10	40/4 = 10	40/4 = 10	40/4 = 10	40/4 = 10
3	Tỉ lệ trẻ em/ giáo viên *(đối với lớp mẫu giáo không có trẻ bán trú)*	0	0	0	0	0
4	Tỉ lệ trẻ em/giáo viên *(đối với lớp mẫu giáo có trẻ em bán trú)*	245/12 = 20,4	245/16 = 20,4	245/16 = 15,3	245/16 = 15,3	260/20 = 16,3
5	Tổng số giáo viên	0	0	0	0	0

	dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)					
6	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	0	0	0	0	0
7	Các số liệu khác (nếu có)	0	0	0	0	0

4. Trẻ em

a) Số liệu chung:

TT	Số liệu	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Ghi chú
1	Tổng số trẻ em	280	298	285	285	300	
	- *Nữ*	122	126	129	143	158	
	- *Dân tộc thiểu số*	0	0	0	0	0	
2	Đối tượng chính sách	0	0	0	0	0	
3	Khuyết tật	0	0	0	0	0	
4	Tuyển mới	122	126	129	143	105	
5	Học 2 buổi/ngày	0	0	0	0	0	
6	Bán trú	280	298	285	285	300	
7	Tỉ lệ trẻ em/lớp	245/6 = 40,8	245/6 = 40,8	245/8 = 30,6	245/8 = 30,6	260/10 = 32,5	
8	Tỉ lệ trẻ em/nhóm	20/1 = 20	40/2 = 20	40/2 = 20	40/2 = 20	40/2 = 20	
9	- Trẻ em từ 03 đến 12 tháng tuổi	0	0	0	0	0	

	- Trẻ em từ 13 đến 24 tháng tuổi	0	0	0	0	0	
	- Trẻ em từ 25 đến 36 tháng tuổi	20	40	40	40	40	
	- Trẻ em từ 3-4 tuổi	70	70	70	70	60	
	- Trẻ em từ 4-5 tuổi	75	75	75	75	90	
	- Trẻ em từ 5-6 tuổi	94	94	95	94	120	
10	Các số liệu khác (nếu có)	0	0	0	0	0	

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường Mầm non Mai Thôn, quận Bình Thạnh tại địa chỉ số 970 Bình Quới(XVNT), Phường 28, quận Bình Thạnh được thành lập theo Quyết định số 1312/QĐ-UBND ngày 01 tháng 03 năm 2002 của Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh. Trường được đổi tên từ Trường Mầm non tư thục Mai Thôn thành Trường Mầm non Mai Thôn.

Trường có 01 điểm chính với tổng diện tích xây dựng 1.567m^2, trong đó diện tích sân chơi 899,42m^2, có nhiều cây xanh tạo bóng mát, đồ chơi ngoài trời được trang bị đầy đủ theo quy định, đáp ứng nhu cầu chơi và hoạt động của trẻ.

Năm học 2020-2021 tổng số đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên là 29 người. Trong đó: chủ trường: 01, cán bộ quản lý: 03, giáo viên: 20, nhân viên: 05. Tổng số trẻ: 300 trẻ, được phân chia thành 10 nhóm lớp từ 25-36 tháng đến 5-6 tuổi. Trong đó có 02 nhóm nhà trẻ và 08 lớp mẫu giáo, được tổ chức bán trú 100%. Với cơ sở vật chất khang trang, đủ đồ dùng, đồ chơi cho trẻ; giáo viên yêu nghề, tận tâm, có trình độ chuyên môn đạt trên chuẩn 06/20 giáo viên, đạt tỷ lệ 35%.

Trường luôn được sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh, chính quyền địa phương, cùng với sự cố gắng phấn đấu của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và cha mẹ học sinh trong các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ.

Mục tiêu của nhà trường là phục vụ trong vui tươi, nhiệt huyết, nhiệt tâm trong giảng dạy nhằm phát triển con người toàn diện. Sứ mạng của nhà trường là giáo dục trẻ ngoan ngoãn, hồn nhiên, lễ phép, tự tin, năng động, sáng tạo, mạnh dạn trong giao tiếp, tích cực trong các hoạt động, biết yêu gia đình, bạn bè và biết chăm sóc bảo vệ môi trường.

2. Mục đích tự đánh giá

Mục đích của việc tự đánh giá giúp nhà trường xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn, để xây dựng kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng chăm

sóc, giáo dục trẻ. Thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục của nhà trường.

Thông qua kết quả tự đánh giá giúp cho tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhận ra được những điểm mạnh, điểm yếu của trường. Từ đó có biện pháp cải tiến, khắc phục phù hợp để cải thiện chất lượng hoạt động của nhà trường trong những năm tiếp theo, nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng quy định.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá

3.1. Tuần 02 tháng 09 năm 2020: Thành lập hội đồng tự đánh giá.

Họp hội đồng trường cùng thảo luận về mục đích, phạm vi và xác định các thành viên của hội đồng kiểm định chất lượng nhà trường. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập hội đồng tự đánh giá của trường.

3.2. Tuần 03 tháng 09 năm 2020: Xây dựng kế hoạch tự đánh giá.

Xây dựng kế hoạch tự đánh giá, phổ biến kế hoạch tự đánh giá đến toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong hội đồng tự đánh giá.

3.3. Tuần 01 tháng 10 năm 2020: Thu thập, xử lý và phân tích các thông tin, minh chứng.

Thảo luận về những vấn đề phát sinh và xác định những thông tin, minh chứng cần thu thập bổ sung, chỉnh sửa, bổ sung các nội dung của từng tiêu chí để lấy ý kiến góp ý. Thông qua đề cương chi tiết báo cáo tự đánh giá.

3.4. Tuần 01 tháng 11 năm 2020: Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.

Kiểm tra lại minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá và các nội dung liên quan. Họp hội đồng tự đánh giá để thông qua báo cáo tự đánh giá đã điều chỉnh, công bố dự thảo báo cáo tự đánh giá trong nội bộ nhà trường và đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.

3.5. Tuần 02 tháng 11 năm 2020: Viết báo cáo tự đánh giá.

Thu thập các ý kiến đóng góp dự thảo báo cáo tự đánh giá. Bổ sung và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá sau khi có các ý kiến góp ý. Đề xuất những kế hoạch cải tiến chất lượng.

3.6. Tuần 1 tháng 12 năm 2020: Hoàn thiện báo cáo tự đánh giá và thông qua Hội đồng sư phạm nhà trường.

3.7. Tuần 2 tháng 12 năm 2020: Công bố báo cáo tự đánh giá đã hoàn thiện trong nội bộ nhà trường. Nộp báo cáo về Phòng Giáo dục và Đào tạo.

3.8. Tuần 4 tháng 12 năm 2020: Hiệu trưởng triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá và gửi công văn đăng ký đánh giá ngoài về Phòng Giáo dục và Đào tạo.

Qua hoạt động tự đánh giá, các bộ phận đã đối chiếu nhiệm vụ thực hiện với từng tiêu chí đã đặt ra. Từ đó, nhà trường thấy được những mặt thực hiện tốt và những điểm hạn chế theo từng tiêu chí, có kế hoạch cải tiến nâng chất lượng cho những năm tiếp theo.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Nhận thức rõ tầm quan trọng của phát triển giáo dục mầm non, Trường Mầm non Mai Thôn xây dựng phương hướng phát triển giáo dục mầm non tầm nhìn đến năm 2021 nhằm xác định rõ định hướng, mục tiêu chiến lược và các giải pháp chủ yếu trong quá trình vận động và phát triển. Nhà trường có cơ cấu tổ chức khoa học, quản lý các hoạt động giáo dục nhằm đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ theo Điều lệ trường mầm non, phân chia trẻ đúng độ tuổi và được học bán trú ở trường, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học. Trường thực hiện Quy chế dân chủ trong các hoạt động, quản lý tài chính, đảm bảo tính công khai minh bạch công tác quản lý.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a)) Nhà trường xây dựng phương hướng, chiến lược và phát triển Trường Mầm non Mai Thôn giai đoạn 2017 -2021 phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật Giáo dục: "giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào học lớp Một"; phù hợp với định hướng phát triển kinh tế-xã hội của địa phương theo từng giai đoạn "Tiếp tục thực hiện mục tiêu kép vừa phòng, chống dịch Covid-19 hiệu quả, vừa tập trung tháo gỡ khó khăn thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân. Đảm bảo cho 100% trẻ trên địa bàn phường được học 02 buổi/ngày"; phù hợp với các nguồn lực của nhà trường như phát huy tốt vai trò lãnh đạo; luôn nâng cao nhận thức cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ em về công tác xã hội hóa giáo dục; có định hướng và có kế hoạch cụ thể cho công tác huy động các nguồn lực [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02]; [H1-1.1-03].

b) Nhà trường xây dựng phương hướng, chiến lược và phát triển nhà trường được xác định bằng văn bản và được Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh phê duyệt [H1-1.1-01].

c) Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển Trường Mầm non Mai Thôn được phổ biến rộng rãi tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và được công khai qua các hình thức: Bảng tin tuyên truyền nhà trường; trang website và được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của trường [H1-1.1-04].

Mức 2:

Dựa trên phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển, Trường Mầm non Mai Thôn xây dựng kế hoạch năm học, kế hoạch tháng. Hiệu trưởng phân công cụ thể các thành viên trong Hội đồng trường giám sát việc thực hiện theo từng bộ phận chuyên môn, hằng tháng họp có đầy đủ Nghị quyết và kế hoạch công tác của từng bộ phận trong nhà trường, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ thông qua các buổi họp hội đồng sư phạm, sơ kết và tổng kết năm học [H1-1.1-03].

Mức 3:

Căn cứ vào kế hoạch năm học và kết quả cuối năm học, nhà trường rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng, phát triển nhà trường [H1-1.1-04]. Việc xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Tuy nhiên, phương hướng, chiến lược xây dựng, phát triển của trường còn hạn chế vì chưa có sự tham gia đóng góp của cha mẹ trẻ em và cộng đồng.

2. Điểm mạnh

Trường có Chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật Giáo dục, định hướng phát triển kinh tế- xã hội của quận Bình Thạnh và các nguồn lực của nhà trường nhằm phát triển toàn diện về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành yếu tố đầu tiên của nhân cách ở trẻ.

3. Điểm yếu

Việc tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường chưa có sự tham gia của cha mẹ trẻ và cộng đồng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2020-2021, hiệu trưởng tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược tới từng cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường. Thành lập Ban kiểm tra và đánh

giá thực hiện kế hoạch trong từng năm học. Cán bộ, giáo viên, nhân viên căn cứ kế hoạch chiến lược, kế hoạch năm học của nhà trường để xây dựng kế hoạch công tác cụ thể cho từng cá nhân theo năm học tránh trùng lắp. Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục sâu sát đến từng giáo viên để tìm hiểu nguyên nhân, đề xuất các giải pháp cụ thể để định hướng giúp đỡ về mặt lâu dài cho đội ngũ.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1:

a) Được thành lập theo quy định;

b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;

c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường thành lập các hội đồng theo quy định như: Hội đồng trường gồm có 10 thành viên Hội đồng do Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh ra quyết định công nhận [H1-1.2-01]; Hội đồng thi đua khen thưởng gồm 06 thành viên [H1-1.2-02], Hội đồng chấm thi giáo viên giỏi cấp trường gồm 07 thành viên do hiệu trưởng ra quyết định thành lập [H1-1.2-03].

b) Các hội đồng thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 18, 19 Điều lệ trường mầm non (Văn bản hợp nhất số: 04-VBHN-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2015): Hội đồng trường làm việc theo phương thức thảo luận, thông qua các nghị quyết tập thể tại các cuộc họp của Hội đồng trường để đưa ra các quyết định trong phạm vi các nhiệm vụ đã được quy định. Hội đồng thi đua khen thưởng xây dựng các nội dung khen thưởng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị theo từng học kỳ, năm học. Hội đồng chấm thi giáo viên giỏi cấp trường dự giờ các hoạt

động học, giờ chơi và giờ ăn được quy định trong Chương trình giáo dục mầm non, có tác dụng giáo dục, khuyến khích động viên giáo viên học hỏi, trao đổi, rút kinh nghiệm trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ và sử dụng đồ dùng dạy học, đồ chơi, môi trường trong lớp, ngoài lớp [H1-1.1-04]; [H1-1.2-04].

c) Hoạt động của các hội đồng được nhà trường định kỳ rà soát, đánh giá kết quả thực hiện thông qua các cuộc họp của nhà trường [H1-1.2-04]; [H1-1.2-05].

Mức 2:

Các hội đồng hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường. Tuy nhiên, Hội đồng thi đua khen thưởng chưa đánh giá khen thưởng kịp thời những cá nhân có thành tích nổi bật trong hoạt động của trường và các đợt phân loại tay nghề giáo viên [H1-1.1-04]; [H1-1.2-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có các hội đồng theo quy định của Điều lệ trường mầm non và đã thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn.

3. Điểm yếu

Hội đồng thi đua khen thưởng chưa đánh giá kịp thời những cá nhân có thành tích nổi bật trong các hoạt động và các đợt phân loại tay nghề giáo viên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2020-2021 và những năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục thành lập các hội đồng và thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch thi đua khen thưởng cụ thể để có chế độ khen thưởng kịp thời với giáo viên, nhân viên khi có thành tích nổi bật trong các hoạt động và trong các đợt phân loại tay nghề.

1.2.5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên.

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên.

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

1.3.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có tổ chức Công đoàn cơ sở gồm 08 công đoàn viên [H1-1.3-01]. Do nhà trường thuộc hệ thống Dòng tu nên không có tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Hội Khuyến học [H1-1.3-02].

b) Công đoàn cơ sở hoạt động theo quy định. Làm tốt chức năng, nhiệm vụ bảo vệ quyền lợi chính đáng của đoàn viên, tham gia hiệu quả vào công tác quản lý trong nhà trường theo đúng Điều lệ Công đoàn Việt Nam đã quy định nhằm giúp nhà trường thực hiện mục tiêu giáo dục [H1-1.3-01].

c) Hằng năm, Công đoàn thực hiện các loại sổ sách theo quy định của Điều lệ Công đoàn Việt Nam được rà soát, đánh giá theo định kỳ. Ban thanh tra nhân dân có kiểm tra việc thực hiện quy chế, tài chính công đoàn [H1-1.3-01].

Mức 2:

a) Nhà trường thuộc hệ thống Dòng tu nên không có tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam [H1-1.3-02].

b) Công đoàn có thực hiện theo Nghị quyết và đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường [H1-1.1-04].

Mức 3:

a) Nhà trường thuộc hệ thống Dòng tu nên không có tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam [H1-1.3-02].

b) Công đoàn có đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng. Tuy nhiên, Công đoàn nhà trường chưa tham gia các phong trào thi đua do Liên đoàn Lao động quận Bình Thạnh phát động [H1-1.2-04].

2. Điểm mạnh

Công đoàn cơ sở đã được thành lập và hoạt động theo quy định của điều lệ Công đoàn Việt Nam.

3. Điểm yếu

Trường Mẫu giáo Thiên Thần thuộc nhà Dòng nên không có tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các tổ chức xã hội khác.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2020 - 2021 và các năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục đảm bảo các yêu cầu về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Công đoàn cơ sở theo quy định của pháp luật. Hiệu trưởng tạo điều kiện và động viên công đoàn viên tham gia một số phong trào thi đua do Liên đoàn Lao động quận Bình Thạnh phát động.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;

b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;

c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.

b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường.

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường Mầm non Mai Thôn có 01 hiệu trưởng (Quyết định số 7931/QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2017) [H1-1.4-01], 02 phó hiệu trưởng: Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục (Quyết định số 6549/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2018) [H1-1.4-02]; Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng (Quyết định số 3066/QĐ-UBND ngày 4 tháng 5 năm 2017) [H1-1.4-03].

b) Trường Mầm non Mai Thôn có cơ cấu tổ chức theo quy định gồm 04 tổ chuyên môn: tổ chuyên môn nhà trẻ 25-36 tháng; tổ chuyên môn 3-4 tuổi; tổ chuyên môn 4-5 tuổi; tổ chuyên môn 5-6 tuổi; tổ cấp dưỡng (có 03 cấp dưỡng) và 01 tổ văn phòng; thành viên tổ chuyên môn là giáo viên trực tiếp giảng dạy, thành viên tổ văn phòng gồm cán bộ quản lý và nhân viên; Mỗi tổ chuyên môn có tổ trưởng [H1-1.4-03]; [H1-1.4-04].

c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định: Xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ theo năm, tháng nhằm thực hiện Chương trình giáo dục mầm non, tổ chức sinh hoạt định kỳ 02 tuần 01 lần: bồi dưỡng chuyên môn, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và quản lý sử dụng tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị giáo dục của các thành viên trong tổ theo kế hoạch của nhà trường [H1-1.4-05]; [H1-1.4-06]. Tham gia đánh giá, xếp loại giáo viên theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, đề xuất khen thưởng, kỷ luật giáo viên [H1-1.4-07]; Các thành viên của tổ chuyên môn và tổ văn phòng tham gia đánh giá, xếp loại hằng năm [H1-1.4-08]. Tổ văn phòng giúp hiệu trưởng quản lý tài chính, tài sản, lưu giữ hồ sơ của nhà trường [H1-1.4-06]; [H1-1.4-09].

Mức 2:

a) Hằng năm, để nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ các tổ có thảo luận thống nhất, đề xuất và thực hiện các chuyên đề trong năm: Chuyên đề "Đổi mới tổ chức hoạt động làm quen chữ viết", "Tổ chức hoạt động lấy trẻ làm trung tâm", "Đổi mới tổ chức hoạt động phát triển tình cảm kỹ năng, xã hội", "Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ"; "Xây dựng môi trường thiên nhiên, tăng cường vận động cho trẻ"; Chuyên đề "Đổi mới tổ chức bữa ăn cho trẻ", "Đổi mới cách chế biến thức ăn cho trẻ" [H1-1.4-11]; Nhà trường có rút kinh nghiệm trong việc thực hiện chuyên đề. [H1-1.4-12].

b) Hằng tháng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng họp định kỳ 02 lần 01 tháng để kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và quản lý sử dụng tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị giáo dục [H1-1.4-06].

Mức 3:

a) Thông qua các buổi họp của tổ chuyên môn và tổ văn phòng, các thành viên trong tổ đưa ra các biện pháp trong việc thực hiện công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Tuy nhiên, các tổ chưa đưa ra các ý kiến đề xuất trong buổi họp nhằm đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường [H1-1.4-05]; [H1-1.4-06].

b) Các thành viên trong tổ chuyên môn có đầu tư tiết học và hoạt động nhằm thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn theo kế hoạch của nhà trường góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ [H1-1.4-11].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có hiệu trưởng, phó hiệu trưởng và các tổ chuyên môn, tổ văn phòng theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Các tổ có xây dựng kế hoạch năm, tháng; thực hiện các nhiệm vụ và hoạt động theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.

3. Điểm yếu

Nội dung đóng góp của tổ chuyên môn, tổ văn phòng chưa đa dạng, phong phú, còn lặp lại.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2020-2021 và những năm tiếp theo, các tổ chuyên môn tiếp tục duy trì việc xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ theo năm, tháng; tổ chức sinh hoạt theo định kỳ và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định. Hiệu trưởng chỉ đạo 02 Phó hiệu trưởng tham gia các buổi sinh hoạt chuyên môn của các tổ theo định kỳ nhằm gợi ý, hướng dẫn và khuyến khích giáo viên, nhân viên mạnh dạn đưa ra các ý kiến đề xuất, những khó khăn trong quá trình thực hiện để tìm ra biện pháp khắc phục nhằm đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo

Mức 1:

a) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi; trong trường hợp số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp không đủ 50% so với số trẻ tối đa quy định tại Điều lệ trường mầm non thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép hoặc lớp mẫu giáo ghép;

b) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 02 buổi trên ngày;

c) Mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có không quá 02 (hai) trẻ cùng một dạng khuyết tật.

Mức 2:

Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi.

Mức 3:

Nhà trường có không quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Năm học 2020-2021 nhà trường thực hiện phân chia trẻ theo độ tuổi đúng quy định, cụ thể như sau: 02 nhóm 25-36 tháng; 04 lớp 3-4 tuổi; 03 lớp 4-5 tuổi; 04 lớp 5-6 tuổi [H1-1.5-01].

b) 100% trẻ ở các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học bán trú tại trường [H1-1.5-02].

c) Nhà trường không có trẻ khuyết tật [H1-1.2-04].

Mức 2:

Số trẻ trong lớp chưa đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non và được phân chia theo độ tuổi như sau:

+ Nhóm 25 đến 36 tháng tuổi: 40 trẻ/02 lớp;

+ Lớp 3-4 tuổi: 70 trẻ/02 lớp;

+ Lớp 4-5 tuổi: 90 trẻ/03 lớp;

+ Lớp 5-6 tuổi: 120 trẻ/03 lớp [H1-1.5-01].

Mức 3:

Nhà trường có 02 nhóm trẻ, 10 lớp mẫu giáo, không vượt quá số lớp quy định theo Điều 5 của Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT [H1-1.5-01].

2. Điểm mạnh

Trẻ được phân chia theo độ tuổi, 100% trẻ được học bán trú tại trường.

3. Điểm yếu

Sĩ số trẻ ở các nhóm, lớp còn cao so với Điều lệ trường mầm non.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2020-2021 và những năm tiếp theo nhà trường tiếp tục phân chia trẻ theo độ tuổi; trang bị đồ dùng đồ chơi, tạo môi trường hoạt động đảm bảo cho trẻ được học bán trú nhằm phát huy tốt công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Hiệu trưởng lên kế hoạch có lộ trình giảm sĩ số các nhóm, lớp theo đúng quy định ở các năm tiếp theo.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường.

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hệ thống các hồ sơ, chứng từ, sổ sách, văn bản phục vụ công tác chăm sóc, giáo dục trẻ của nhà trường được quản lý, lưu trữ, bảo quản đầy đủ theo quy định của Luật lưu trữ số 01/2011/QH13 của Quốc hội ngày 11 tháng 11 năm 2011 [H1-1.4-10].

b) Hằng năm, nhà trường có lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính, tài sản theo quy định; Bên cạnh đó, nhà trường công khai tài chính hằng tháng thông qua bảng tin để cán bộ, giáo viên, nhân viên kiểm tra và giám sát việc thực hiện kiểm tra tài chính của nhà trường. Quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành [H1-1.6-01].

c) Nhà trường quản lý, sử dụng hiệu quả tài chính, tài sản đảm bảo đúng mục đích và có hiệu quả thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động theo quy định hiện hành: lương, các loại bảo hiểm xã hội, y tế, tai nạn. Hằng năm, trường thực hiện tốt kiểm kê tài sản và kê khai tăng giảm tài sản trong sổ sách, thực hiện đầy đủ các quy định quản lý, lưu trữ hồ sơ chứng từ, có kế hoạch phân công giám sát sửa chữa đồ dùng, đồ chơi để sử dụng bền lâu, nhắc nhở các bộ phận có biện pháp bảo quản tài sản nhà trường [H1-1.6-01].

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý có ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường như: cổng thông tin điện tử, mạng thông tin nội bộ, phần mềm bán trú [H1-1.6-02]; [H1-1.6-03].

b) Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021 nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo quy định của hệ thống Dòng tu [H1-1.6-01]; [H1-1.6-04].

Mức 3:

Do trường thuộc hệ thống Dòng tu nên chưa xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương [H1-1.6-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường quản lý tốt hành chính, tài chính, tài sản theo quy định.

3. Điểm yếu

Trường thuộc hệ thống Dòng tu nên không có lập dự toán trung hạn, dài hạn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2020-2021 và những năm tiếp theo hiệu trưởng tham mưu với hệ thống Dòng tu xây dựng kế hoạch trung hạn, dài hạn để tạo ra nguồn tài chính hợp pháp bên cạnh đó tiếp tục phân công bộ phận văn thư thực hiện lưu trữ hồ sơ đầy đủ, cập nhật khoa học theo quy định; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của văn thư, tài chính kế toán để kịp thời phát hiện, điều chỉnh những thiếu sót sai lệch nâng cao hiệu quả công việc góp phần đảm bảo các hoạt động của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2

Có biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường có xây dựng kế hoạch bồi dưỡng để nâng cao kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và triển khai đến đội ngũ thông qua bồi dưỡng chuyên đề [H1-1.4-11]; hướng dẫn cho giáo viên xây dựng kế hoạch giáo dục theo năm học [H1-1.4-12]; tổ chức cho giáo viên học bồi dưỡng thường xuyên theo kế hoạch [H1-1.7-01]; tổ chức thao giảng, dự giờ các hoạt động giáo dục [H1-1.7-02]; dự giờ chăm sóc nuôi dưỡng [H1-1.7-03]; tổ chức tập huấn công tác phòng chống cháy nổ [H1-1.7-04]; kiến thức an toàn vệ sinh thực phẩm [H1-1.7-05].

b) Đầu năm học, nhà trường phân công, sử dụng cán bộ, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý theo trình độ chuyên môn, năng lực từng cá nhân nhằm đảm bảo hiệu quả công việc trong các hoạt động được quy định tại Điều 36 Điều lệ trường mầm non [H1-1.4-04].

c) c) Cán bộ, giáo viên, nhân viên được bảo đảm các quyền theo quy định tại Điều 29 Điều lệ trường mầm non (Thông tư số 52/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo). Nhà trường luôn tạo điều kiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; tham gia các lớp học nâng cao chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; được chăm sóc, bảo vệ sức khỏe, chế độ, chính sách và được bảo vệ nhân phẩm, danh dự [H1-1.7-06]; [H1-1.7-07].

Mức 2:

Hằng năm, thông qua dự giờ thực tế, đột xuất, cán bộ quản lý đưa ra những biện pháp bồi dưỡng cụ thể để phát huy năng lực của giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Tuy nhiên, trường chưa có giáo viên dự thi giáo viên giỏi cấp Quận [H1-1.1-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường phân công sử dụng hợp lý, tạo điều kiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện tốt nhiệm vụ và tham gia học tập nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ; được đảm bảo các quyền theo quy định.

3. Điểm yếu

Trường chưa có giáo viên tham gia hội thi giáo viên giỏi cấp Quận.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2020-2021 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, phân công sử dụng hợp lý, đảm bảo đầy đủ các chế độ chính sách cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên. Hiệu trưởng chỉ đạo Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn cho các giáo viên về lý thuyết và thực hành, khuyến khích giáo viên mạnh dạn tham gia các hội thi giáo viên giỏi cấp Quận.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Căn cứ phương hướng nhiệm vụ năm học của ngành học, cán bộ quản lý xây dựng kế hoạch giáo dục năm học của đơn vị và kế hoạch giáo dục của nhà trường phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện nhà trường. Nhà trường có mạng nội bộ để quản lý, kiểm tra kế hoạch của giáo viên [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02].

b) Nhà trường tổ chức triển khai kế hoạch đến đội ngũ giáo viên. Giáo viên thực hiện kế hoạch giáo dục đầy đủ các nội dung theo chế độ sinh hoạt của trẻ, đảm bảo các mục tiêu, nội dung của Chương trình giáo dục mầm non theo từng lứa tuổi [H1-1.8-03].

c) Trong quá trình kiểm tra dự giờ, cán bộ quản lý luôn rà soát, đánh giá, điều chỉnh kế hoạch phù hợp nhằm phát huy những mặt đã làm được và khắc phục những thiếu sót để nâng cao hiệu quả công tác chăm sóc, giáo dục thông qua mạng nội bộ. Đôi lúc kết nối mạng nội bộ yếu không truyền được thông tin đã điều chỉnh kế hoạch giáo dục của cán bộ quản lý đến giáo viên kịp thời [H1-1.8-03].

Mức 2:

Cán bộ quản lý thường xuyên dự giờ, kiểm tra hoạt động học, vui chơi, ăn, ngủ của trẻ ở các lớp để kịp thời góp ý, rút kinh nghiệm nhằm hoàn thành tốt công tác chăm sóc giáo dục. Từ năm học 2016-2017 đến nay, trường được đánh giá chuyên môn đạt Khá [H1-1.8-04].

2. Điểm mạnh

Kế hoạch giáo dục đã được xây dựng theo Chương trình giáo dục mầm non và được thực hiện đầy đủ các hoạt động, chế độ sinh hoạt trong ngày của trẻ. Có đánh giá, rút kinh nghiệm và điều chỉnh phù hợp với khả năng của trẻ.

3. Điểm yếu

Kết nối mạng nội bộ yếu không truyền được thông tin đã điều chỉnh kế hoạch giáo dục của cán bộ quản lý đến giáo viên kịp thời.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2020-2021 và những năm tiếp theo, , cán bộ quản lý duy trì việc xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch giáo dục đến đội ngũ một cách đồng bộ, hiệu quả. Tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn để tạo điều kiện cho đội ngũ tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến, khuyến khích giáo viên mạnh dạn phát biểu, trình bày những vướng mắc của bản thân khi xây dựng kế hoạch giáo dục và những hiểu biết của mình về việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non, để mọi người chia sẻ, tư vấn. Đồng thời, hiệu trưởng hợp đồng nhân viên phụ trách kết nối mạng sửa chữa, bảo trì thường xuyên để bảo đảm hệ thống liên lạc được duy trì hiệu quả hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch và hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) a) Cán bộ, giáo viên, nhân viên luôn được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường. Mọi hoạt động nhà trường được thực hiện thường xuyên và thể hiện tính dân chủ cao. [H1-1.9-01]. Trong nhà trường vẫn còn 05/28 (tỷ lệ 17,8%) giáo viên, nhân viên trong các buổi họp còn ngại tham gia đóng góp ý kiến.

b) Nhà trường không có đơn thư, khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh trong quá trình nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ tại cơ sở [H1-1.1-04].

c) Hằng năm nhà trường đảm bảo thực hiện đầy đủ, kịp thời báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đúng quy định, đúng thời gian đến Ủy ban nhân dân Phường 28, Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh [H1-1.9-01].].

Mức 2:

Nhà trường có các biện pháp giám sát việc quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch và hiệu quả: công khai chế độ lương thưởng, công khai tiêu chuẩn bình chọn được tuyên dương, khen thưởng, công khai kết quả đánh giá xét thi

đua. Hội đồng thi đua có lắng nghe và điều chỉnh theo nhận xét, góp ý của tập thể, tạo sự đồng thuận cao [H1-1.1-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở.

3. Điểm yếu

05/28 (tỷ lệ 17,8%) giáo viên, nhân viên chưa mạnh dạn đóng góp ý kiến trong các buổi hội họp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2020-2021 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục phát huy vai trò và trách nhiệm của người đứng đầu về thực hiện quy chế dân chủ hoạt động của nhà trường, phát huy quyền làm chủ tập thể của cán bộ, giáo viên, nhân viên và người lao động; luôn hỗ trợ Ban thanh tra nhân dân tăng cường công tác giám sát, phát huy những kết quả đạt được và đề ra các giải pháp những hạn chế, khó khăn và nguyên nhân, rút kinh nghiệm trong quá trình thực hiện để tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả việc xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở. Nhắc nhở giáo viên, nhân viên nâng cao tính chủ động theo dõi nghiên cứu các văn bản được niêm yết công khai tại trường và đóng góp ý kiến trong các buổi họp.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho trẻ được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường.

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có xây dựng quy chế phối hợp với Công an Phường 28, quận Bình Thạnh để xây dựng phương án đảm bảo an ninh trật tự trong trường học theo Thông tư số 13/2010/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo [H1-1.10-01]; Có các phương án: Phòng, chống ngộ độc thực phẩm [H1-1.7-05]; An toàn phòng, chống tai nạn thương tích [H1-1.10-02]; An toàn phòng, chống cháy, nổ theo đúng quy định [H1-1.7-04]; Phòng chống dịch bệnh [H1-1.10-03]; Phòng, chống các tệ nạn xã hội và bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-04]; Hồ sơ y tế trường học [H1-1.10-05]. Trường có tổ chức bếp ăn 01 chiều và được cấp giấy chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm [H1-1.7-05]. Tuy nhiên, còn 20% cha mẹ trẻ em chưa chấp hành tốt yêu cầu của nhà trường, còn dựng xe trước cổng trường khi đưa trẻ đi học gây cản trở giao thông.

b) Nhà trường có hộp thư góp ý, có công khai số điện thoại để tiếp nhận xử lý thông tin phản ánh của người dân. Cán bộ quản lý kiểm tra hộp thư hàng tuần để nắm bắt thông tin phản ánh của cha mẹ trẻ, cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường. Từ năm 2016 đến nay, nhà trường không nhận được thư góp ý của cha mẹ trẻ, của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường về các hoạt động của nhà trường. Để đảm bảo an toàn cho trẻ và cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường, bảo vệ được phân công trực 24/24 [H1-1.10-06].

c) Cán bộ, giáo viên, nhân viên luôn tôn trọng lẫn nhau, không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường [H1-1.1-04].

Mức 2:

a) a) Nhà trường liên hệ với các ban ngành tổ chức, hướng dẫn cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và trẻ về việc thực hiện các phương án đảm bảo an ninh trật tự [H1-1.10-01]; Vệ sinh an toàn, phòng chống ngộ độc thực phẩm [H1-1.7-05]; An toàn phòng chống tai nạn, thương tích [H1-1.10-02]; An toàn phòng, chống cháy nổ [H1-1.7-04]; Phòng, chống dịch bệnh [H1-1.10-03]; Phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-04]. Tổ chức tập huấn, diễn tập cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên và trẻ 01 lần/ năm.

b) Nhà trường thường xuyên tuyên truyền, nhắc nhở đội ngũ tự giác không tham gia bình luận các trang mạng không chính thống của nhà nước và địa phương nhằm góp phần bảo đảm an ninh trật tự. Nhà trường được cấp giấy chứng nhận trường học an toàn, an ninh trật tự. Từ năm 2016 – 2017 đến nay, trường không có thông tin biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường. Tuy nhiên, cha mẹ trẻ chưa để xe đúng nơi quy định khi vào trường, gây cản trở giao thông trong giờ đón trả trẻ [H1-1.10-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng đầy đủ các kế hoạch và thực hiện tốt các kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống cháy nổ, phòng chống dịch bệnh; bảo đảm an toàn tuyệt đối cho trẻ và cho cán bộ, giáo viên, nhân viên; không xảy ra tình trạng ngộ độc thực phẩm, tai nạn thương tích, dịch bệnh trong nhà trường.

3. Điểm yếu

Cha mẹ trẻ chưa để xe đúng nơi quy định khi vào trường, gây cản trở giao thông trong giờ đón trả trẻ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2020-2021 và những năm tiếp theo nhà trường tiếp tục duy trì thực hiện tốt các phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống

bạo lực trong nhà trường; bếp ăn đảm bảo an toàn thực phẩm; an toàn tuyệt đối cho trẻ và cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Hiệu trưởng chỉ đạo tổ bảo vệ yêu cầu phụ huynh để xe đúng nơi quy định khi vào trường, tránh gây cản trở giao thông ở giờ đón, trả trẻ.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Điểm mạnh nổi bật:

Nhà trường có xây dựng phương hướng chiến lược cụ thể và được Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh phê duyệt.

Có các phương án đảm bảo an ninh trật tự; Vệ sinh an toàn thực phẩm; An toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; An toàn phòng, chống cháy, nổ; An toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; Phòng, chống dịch bệnh; Phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường, phối hợp với cơ quan công an và cơ quan y tế về phương án phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống cháy nổ; Phòng chống dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm trong nhà trường.

Điểm yếu cơ bản:

Trường không có đầy đủ các đoàn thể và tổ chức khác theo quy định như: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Đoàn Thanh niên, Chi hội Chữ thập đỏ.

Trường không có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường.

Trường không có giáo viên tham gia hội thi giáo viên dạy giỏi cấp Quận.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/10.

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Mở đầu

Yếu tố quyết định sự phát triển của nhà trường là đội ngũ cán bộ, giáo viên và nhân viên, do đó đội ngũ luôn phải nỗ lực không ngừng để tự đào tạo, rèn luyện, trau dồi và tích lũy thêm kinh nghiệm, có phẩm chất đạo đức tốt, nhiệt tình, luôn có tâm huyết với nghề. Bên cạnh đó, để nâng cao chất lượng cho đội ngũ, cán bộ quản lý luôn tạo

điều kiện để giáo viên, nhân viên tham gia các khóa bồi dưỡng, tham dự các lớp tập huấn do Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh tổ chức.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;

b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;

c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên.

b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hiệu trưởng có nghiệp vụ quản lý giáo dục, công tác trong ngành từ năm 2004 đến nay (18 năm), có bằng Cao Đẳng Sư phạm mầm non, đã qua lớp bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý giáo dục mầm non; Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục công tác từ năm 2006 đến nay (16 năm), có bằng Cử Nhân Sư phạm mầm non, đã qua lớp bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý giáo dục mầm non; Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng công tác từ năm 2013 đến nay (09 năm), có bằng Cao Đẳng Sư phạm mầm non, đã qua lớp bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý giáo dục mầm non. Tuy nhiên, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng là tu sĩ nhà Dòng nên chưa có trình độ lý luận chính trị theo quy định [H1-1.4-04].

b) b) Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được đánh giá Chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng vào cuối mỗi năm học, căn cứ theo Thông tư số 25/2018/TT-BGDĐT ngày 08

tháng 10 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chuẩn hiệu trưởng trường mầm non [H2-2.1-01].

	Năm học 2016-2017	**Năm học 2017-2018**	**Năm học 2018-2019**	**Năm học 2019-2020**	**Năm học 2020-2021**
Hiệu trưởng	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
Phó hiệu trưởng 1	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
Phó hiệu trưởng 2	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

c) b) Hiệu trưởng, 02 phó hiệu trưởng được tham dự các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục mầm non ngoài công lập, phần mềm quản lý trường, cổng thông tin điện tử, mạng thông tin nội bộ, Mindjet MindManager, phần mềm bán trú, phần mềm Temis [H1-1.1-04].

Mức 2:

a Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021, cán bộ quản lý đều được đánh giá đạt Chuẩn hiệu trưởng theo quy định Chuẩn hiệu trưởng trường mầm non. Tuy nhiên, hiệu trưởng, 02 phó hiệu trưởng chỉ được đánh giá ở mức Đạt [H2-2.1-01].

b) Cán bộ quản lý được tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng chính trị hằng năm [H1-1.7-01]. Trong quá trình công tác tại đơn vị nhiều năm liền cán bộ quản lý được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm [H1-1.2-01].

Mức 3:

Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021, cán bộ quản lý đều được đánh giá đạt Chuẩn hiệu trưởng theo Quy định Chuẩn hiệu trưởng trường mầm non. Tuy nhiên, hiệu trưởng, 02 phó hiệu trưởng chỉ được đánh giá ở mức Đạt [H2-2.1-01].

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng có trình độ chuyên môn trên chuẩn, có năng lực quản lý và tổ chức các hoạt động của nhà trường, nắm vững Chương trình Giáo dục mầm non, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

3. Điểm yếu

Kết quả đánh giá Chuẩn hiệu trưởng, 02 phó hiệu trưởng chỉ được đánh giá ở mức Đạt.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm học 2020-2021 và những năm học tiếp theo, hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng trưởng sẽ nỗ lực, chủ động học tập, tự bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý để đạt mức tốt theo quy định Chuẩn hiệu trưởng trường mầm non.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

a) Có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt Chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp.

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn.

c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%.

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Năm học 2020-2021, trường có 20 giáo viên/10 nhóm lớp, đủ số lượng giáo viên theo quy định tại Thông tư 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 3 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H2-2.1-01]; [H2-2.2-01].

b) Nhà trường có 20/20 giáo viên đạt trình độ chuẩn được đào tạo, trong đó 06/20 giáo viên trình độ trên chuẩn đạt tỉ lệ 30%, 14/20 giáo viên (tỷ lệ: 70%) đạt chuẩn [H2-2.1-01].

	Năm học 2016-2017	**Năm học 2017-2018**	**Năm học 2018-2019**	**Năm học 2019-2020**	**Năm học 2020-2021**
Trên đại học	00	00	00	00	00
Đại học	03	03	01	01	06
Cao đẳng	13	13	14	15	14
Trung cấp	00	00	01	00	00

c) Trường có 100% giáo viên hằng năm được đánh giá xếp loại theo quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non đạt từ mức đạt trở lên, không có giáo viên chưa đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên [H2-2.2-02].

Năm học	**Xếp loại chuẩn nghề nghiệp giáo viên**		
2016-2017	Xuất sắc: 0/16 (Tỷ lệ: 0%)	Khá: 0/16 (Tỷ lệ: 0%)	Trung bình: 16/16 (Tỷ lệ: 100%)
2017- 2018	Xuất sắc: 0/16	Khá: 0/16	Trung bình: 16/16

	(Tỷ lệ: 0%)	(Tỷ lệ: 0%)	(Tỷ lệ: 100%)
2018-2019	Xuất sắc: 0/16 (Tỷ lệ: 0%)	Khá: 0/16 (Tỷ lệ: 0%)	Trung bình: 16/16 (Tỷ lệ: 100%)
2019-2020	Tốt: 0/16 (Tỷ lệ: 0%)	Khá: 0/16 (Tỷ lệ: 0%)	Đạt: 16/16 (Tỷ lệ: 100%)
2020-2021	Tốt: 0/20 (Tỷ lệ: 0%)	Khá: 0/20 (Tỷ lệ: 0%)	Đạt: 20/20 (Tỷ lệ: 100%)

Mức 2

a) Năm học 2020-2021, nhà trường có 14/20 giáo viên (tỷ lệ: 70%) đạt trên chuẩn, 06/20 giáo viên (tỷ lệ: 30%) [H1-1.4-04].

b) Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021, nhà trường có 100% giáo viên được đánh giá Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, nhưng chỉ ở mức đạt [H2-2.2-02].

c) Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021, nhà trường không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo [H1-1.1-04].

Mức 3

a) Năm học 2020-2021, nhà trường có 14/20 giáo viên (tỷ lệ: 70%) đạt trên chuẩn trình độ đào tạo [H1-1.4-04].

b) Nhà trường có 100% giáo viên được xếp loại đạt theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, không có giáo viên được xếp loại từ khá trở lên [H2-2.2-02]

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ số lượng giáo viên theo quy định.

3. Điểm yếu

Chuẩn nghề nghiệp của giáo viên chỉ được xếp loại đạt, chưa có giáo viên đạt Chuẩn nghề nghiệp loại khá.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2020-2021 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục phân công đủ số giáo viên/ lớp theo quy định và thực hiện đánh giá Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non hằng năm. Cố gắng duy trì số lượng giáo viên được xếp loại từ khá trở lên, không có giáo

viên xếp loại trung bình. Hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng tiếp tục bồi dưỡng giáo viên trong công tác chuyên môn nhằm nâng cao chất lượng trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ để việc đánh giá Chuẩn nghề nghiệp giáo viên đạt tốt nhiều hơn.

2.2.5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định.

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm.

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a a) Năm học 2020-2021, nhà trường có 05 nhân viên, trong đó có: 01 kế toán, 01 nhân viên y tế học đường, 03 cấp dưỡng [H1-1.4-04].

b) Nhân viên nhà trường được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực thực tế của mỗi người [H1-1.4-04].

c) Nhân viên nhà trường hoàn thành các nhiệm vụ được giao: kế toán hoàn thành hồ sơ, sổ sách, chứng từ; nhân viên y tế thực hiện bản truyền thông, xử lý kịp thời các tình huống liên quan đến sức khỏe cô và trẻ; nhân viên nấu ăn đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, thực hiện quy trình bếp một chiều [H2-2.3-01].

Mức 2:

a) Nhà trường có đủ số lượng nhân viên đảm bảo theo quy định tại khoản 3 Điều 4 và khoản 4 Điều 5 Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT- BGDĐT- BNV ngày 16/3/2015 Bộ GDĐT và Bộ Nội vụ, quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non [H1-1.4-03].

b) Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021, nhà trường không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1.1-04].

Mức 3:

a) Nhân viên có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm: Nhân viên kế toán có trình độ Trung cấp kinh tế chuyên ngành tài chính-kế toán và kiêm công tác văn thư; nhân viên phụ trách y tế có trình độ Trung cấp y sĩ; 03/03 nhân viên cấp dưỡng có trình độ sơ cấp nấu ăn. [H1-1.4-04].

b) Hằng năm, nhân viên được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ: Phòng cháy chữa cháy, phòng chống dịch bệnh, an toàn vệ sinh thực phẩm theo vị trí việc làm [H2-2.3-01].

2. Điểm mạnh

Số lượng nhân viên đủ theo quy định và có ý thức trách nhiệm, luôn hỗ trợ, phối hợp trong công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

3. Điểm yếu

Trường còn thiếu nhân viên Văn thư.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2020-2021 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục duy trì bố trí, sử dụng các nhân viên theo định biên được giao; tạo mọi điều kiện thuận lợi để từng thành viên phát huy tốt năng lực; xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, liên hệ với trường Bồi dưỡng giáo dục đăng ký và hỗ trợ một phần kinh phí cho bảo vệ tham gia học lớp bồi dưỡng nghiệp vụ.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Điểm mạnh nổi bật:

Cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường được cơ cấu đầy đủ theo quy định của Điều lệ trường mầm non.

Điểm yếu cơ bản:

Chuẩn nghề nghiệp giáo viên chưa đạt mức khá.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 03/03.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/03.

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học.

Mở đầu:

Để việc truyền đạt kiến thức cho trẻ, cũng như để đảm bảo cho việc chăm sóc, giáo dục trẻ được tốt hơn, ngoài đội ngũ giáo viên có nhiều kinh nghiệm, yêu nghề yêu trẻ thì cơ sở vật chất cũng chiếm một vị trí quan trọng. Nhận thấy sự cần thiết của việc đầu tư cơ sở vật chất trong trường mầm non, Trường Mầm non Mai Thôn cũng từng bước bổ sung thêm trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi phục vụ cho việc chăm sóc, giáo dục trẻ nhằm cho trẻ phát triển toàn diện.

Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn

Mức 1

a*) Diện tích khu đất xây dựng hoặc diện tích sàn xây dựng bình quân tối thiểu cho một trẻ đảm bảo theo quy định;*

b) Có cổng, biển tên trường, tường hoặc hàng rào bao quanh; khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ;

c) Có sân chơi, hiên chơi, hành lang của nhóm, lớp; sân chơi chung; sân chơi - cây xanh bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường, an toàn, đảm bảo cho tất cả trẻ được sử dụng.

Mức 2

a) Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo quy định.

b) Khuôn viên có tường bao ngăn cách với bên ngoài; có sân chơi của nhóm, lớp; có nhiều cây xanh tạo bóng mát sân trường, thường xuyên được chăm sóc, cắt tỉa đẹp; có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập.

c) Khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định; có rào chắn an toàn ngăn cách với ao, hồ (nếu có).

Mức 3

Sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài Danh mục phù hợp với thực tế, đảm bảo an toàn cho trẻ.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1

a) Trường Mầm non Mai Thôn có tổng diện tích đất sử dụng là 1.870m2. Tính đến tháng 10 năm 2020 có 300 trẻ, tỷ lệ diện tích bình quân 6m2/trẻ [H3-3.1-01].

b) Trường có 01 cổng chính và 01 cổng phụ, có biển tên trường, xung quanh có tường rào được xây dựng kiên cố bao quanh; khuôn viên đảm bảo vệ sinh sạch sẽ, phù hợp với cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ em [H3-3.1-02].

c) Sân chơi của trường có diện tích 602,5m2, được thiết kế các khu vực hoạt động ngoài trời phù hợp với trẻ mầm non. Sân chơi ngoài trời được trải thảm cỏ nhân tạo với nhiều loại đồ chơi ngoài trời nhằm đảm bào an toàn, sạch sẽ cho trẻ tham gia hoạt động; có khu vực cho trẻ chơi vận động được bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường và đảm bảo an toàn cho trẻ và tất cả trẻ được tiếp cận sử dụng. Ngoài ra, sân trường còn được trang bị mái hiên di động có diện tích 300m², . Cây xanh được chăm sóc, cắt tỉa thường xuyên, tạo bóng mát cho trẻ vui chơi, học tập [H3-3.1-02].

Mức 2

a) Diện tích sàn xây dựng công trình là 1.042,4m2/1.870m2 đạt tỷ lệ 55,7% lớn hơn 40% tổng diện tích trường đảm bảo theo Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Diện tích sân vườn của trường là 602,5 m2/2.631m2 đạt tỷ lệ 32,2% nhỏ hơn 40% chưa đảm bảo theo Tiêu chuẩn quy định; được quy hoạch, thiết kế phù hợp lứa tuổi mầm non; có nhiều cây xanh tạo bóng mát sân trường, được chăm sóc, cắt tỉa theo định kỳ [H3-3.1-01].

b) Có sân chơi cho 10 lớp. Sân trường được che phủ bởi các loại cây cho bóng mát, sân trường chưa có khu vực vườn hoa, vườn rau để cô và trẻ được chăm sóc và theo dõi sự phát triển của cây [H3-3.1-03].

c) Sân chơi ngoài trời của trẻ được bố trí, trang bị đồ chơi theo quy định tại Thông tư 32/2012/TT-BGDĐT, ngày 14 tháng 9 năm 2012, Ban hành danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non: đồ chơi liên hoàn, thang leo, đồ chơi leo núi, có khu vực chơi các trò chơi vận động. Khu vực trẻ chơi được trải cỏ nhân tạo, khu vực vận động được trải thảm mouse. Tất cả các loại đồ chơi đều được làm bằng nhựa composite, được vệ sinh sạch sẽ hằng ngày [H3-3.1-02].

Mức 3

Nhà trường có khu phát triển vận động được bố trí trên thảm cỏ nhân tạo, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài Danh mục phù hợp với thực tế. Các đồ chơi ngoài trời thường xuyên được kiểm tra, sửa chữa kịp thời để đảm bảo an toàn cho trẻ [H3-3.1-02].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường đảm bảo diện tích xây dựng theo quy định Điều lệ trường mầm non. Sân chơi thoáng mát, có trang bị mái vòm di động để đảm bảo cho trẻ vui chơi, hoạt động; cây xanh được chăm sóc, cắt tỉa thường xuyên, tạo môi trường thân thiện cho trẻ. Sân chơi của trẻ được bố trí, trang bị đồ chơi theo quy định.

3. Điểm yếu:

Trường chưa có khu vực vườn hoa, vườn rau để cô và trẻ được chăm sóc và theo dõi sự phát triển của cây.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm học 2020-2021 và những năm học tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục duy trì đầu tư, sửa chữa các đồ dùng đồ chơi trong sân trường, đảm bảo khuôn viên luôn sạch sẽ để trẻ được hoạt động và vui chơi; tham mưu nhà Dòng và vận động các tổ chức, cá nhân hỗ trợ sửa chữa khu vui chơi và mở rộng diện tích vườn cây trong thời gian sắp tới để

tạo thêm nhiều khu vực vườn hoa, vườn rau cho trẻ được chăm sóc, khám phá và học tập.

5.Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập

Mức 1:

a) Số phòng của các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo tương ứng với số nhóm, lớp theo độ tuổi;

b) Có phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ (có thể dùng phòng sinh hoạt chung làm phòng ngủ đối với lớp mẫu giáo); có phòng để tổ chức hoạt động giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;

c) Có hệ thống đèn, hệ thống quạt (ở nơi có điện); có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.

Mức 2:

a) Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng đảm bảo đạt chuẩn theo quy định.

b) Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng.

Mức 3:

Có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và âm nhạc.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Năm học 2020-2021, nhà trường có 10 phòng học tương ứng với các khối lớp: 02 lớp cơm thường 25-36 tháng, 02 lớp mẫu giáo 3-4 tuổi, 03 lớp mẫu giáo 4-5 tuổi, 03 lớp mẫu giáo 5-6 tuổi [H3-3.2-01].

b) Có phòng sinh hoạt chung làm nơi sinh hoạt học tập, vui chơi, ăn, ngủ cho trẻ, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục trẻ [H3-3.2-01].

c) Tất cả các phòng đều được trang bị đầy đủ hệ thống đèn chiếu sáng, quạt được trang bị ở các phòng đảm bảo ánh sáng tự nhiên, phòng thoáng mát. Mỗi lớp đều được trang bị đầy đủ tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học, đồ dùng đồ chơi, các học liệu cần thiết cho trẻ hoạt động [H1-1.4-07].

Mức 2:

a) Phòng sinh hoạt chung và phòng ngủ được sử dụng chung, phòng giáo dục nghệ thuật đảm bảo đạt chuẩn theo quy định. Tuy nhiên, chưa có phòng giáo dục thể chất, nhà trường tận dụng sân chơi để làm khu vực giáo dục thể chất cho trẻ [H3-3.1-01].

b) Tất cả các phòng ở nhóm, lớp và phòng chức năng đều được trang bị tủ, kệ, thùng đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng [H1-1.4-06].

Mức 3:

Nhà trường không tổ chức cho trẻ học tin học và âm nhạc [H1-1.4-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có số phòng tương ứng với số nhóm lớp theo độ tuổi. Phòng sinh hoạt chung kết hợp phòng ngủ của trẻ và phòng giáo dục nghệ thuật đảm bảo yêu cầu về diện tích, ánh sáng, an toàn và được trang bị đầy đủ các thiết bị, đồ dùng phục vụ trong các hoạt động.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có phòng giáo dục thể chất riêng cho trẻ, đang tận dụng sân chơi để tổ chức các hoạt động phát triển thể chất.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2020-2021 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục phát huy hiệu quả tối đa các phòng sinh hoạt chung, phòng chức năng, hằng năm có kế hoạch trang bị, tu bổ, sửa chữa các hệ thống, trang thiết bị phục vụ nhu cầu hoạt động của nhà trường; tham mưu với nhà Dòng thiết kế, cải tạo lại phòng giáo dục nghệ thuật, phòng giáo dục thể chất để đảm bảo diện tích theo quy định.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị

Mức 1:

a) Có các loại phòng theo quy định;

b) Có trang thiết bị tối thiểu tại các phòng;

c) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.

Mức 2:

a) Đảm bảo diện tích theo quy định.

b) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có mái che đảm bảo an toàn, tiện lợi.

Mức 3:

Có đủ các phòng, đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có đầy đủ các loại phòng theo quy định: Văn phòng trường, phòng hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng, phòng hành chính quản trị, phòng y tế, , phòng dành cho nhân viên, khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên [H3-3.01-01].

b) Văn phòng trường, phòng cán bộ quản lý trang bị đầy đủ các bảng biểu, bàn ghế, máy vi tính, máy chiếu, máy in, tủ hồ sơ, âm ly phục vụ cho hội họp, sinh hoạt chuyên môn. Phòng y tế có đầy đủ các thiết bị y tế và đồ dùng theo dõi sức khoẻ trẻ, có cân điện tử, thước đo, tranh ảnh tuyên truyền chăm sóc sức khỏe trẻ và phác đồ sơ cấp cứu, có các loại sổ sách theo dõi sức khỏe trẻ theo yêu cầu. Nhà vệ sinh có đầy đủ các trang thiết bị phục vụ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên sử dụng đảm bảo không ô nhiễm môi trường. [H1-1.04-06]; [H2-2.03-01]; [H3-3.03-01].

c) Nhà trường không có khu để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân [H3-3.03-01].

Mức 2:

a) Nhà trường có đầy đủ các loại phòng, đảm bảo diện tích theo quy định tại Điều lệ trường mầm non: Văn phòng trường có diện tích 21m^2, phòng hiệu trưởng diện tích

7m^2, phòng phó hiệu trưởng diện tích 7m^2, phòng hành chính quản trị diện tích 21m^2, phòng y tế có diện tích 26m^2, có 07 phòng vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên [H3-3.01-01].

b) Nhà trường không có khu để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân [H3-3.03-01].

Mức 3:

Các phòng trong nhà trường không đảm bảo theo tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non. Văn phòng có diện tích 21m2 chưa đảm bảo diện tích tối thiểu 30m2 [H3-3.3-01].

2. Điểm mạnh

Trường có đầy đủ các loại phòng theo quy định, được trang bị đầy đủ các phương tiện, đồ dùng phục vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên trong công tác.

3. Điểm yếu

Văn phòng trường chưa đảm bảo diện tích theo quy định..

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2020-2021 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng có kế hoạch tiếp tục bảo quản, sử dụng và phát huy cơ sở vật chất sẵn có; có kế hoạch bổ sung trang thiết bị, tu sửa trường; phân công cụ thể từng bộ phận, thành viên bảo quản và sử dụng tài sản, trang thiết bị hiệu quả nâng cao chất lượng phục vụ các hoạt động trong nhà trường, cải tạo và mở rộng văn phòng trường để đảm bảo diện tích theo quy định.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn

Mức 1:

a) Bếp ăn được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố;

b) Kho thực phẩm được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm;

c) Có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn.

Mức 2:

Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.

Mức 3:

Bếp ăn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

3.4.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Bếp ăn của nhà trường được xây dựng kiên cố theo quy định Điều lệ trường mầm non [H3-3.1-01]; [H3-3.4-01].

b) Kho thực phẩm có diện tích 109,8m^2 sạch sẽ, gọn gàng, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm; thực phẩm được sắp xếp theo loại, có bảng tên, được sắp xếp gọn gàng trong tủ. Thực phẩm bên ngoài tủ được để trong thùng có nắp đậy trên kệ không tiếp đất [H3-3.4-02]; [H3-3.4-03].

c) Nhà trường có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn hằng ngày; trang bị các hộp đựng thức ăn bằng inox để từng món và lưu các món ăn của mỗi bữa ăn. Thực hiện nghiêm túc quy trình lưu mẫu thức ăn như sau: lấy mẫu lưu, dán nhãn mẫu lưu, bỏ tủ lưu nhiệt độ từ 2^0C đến 8^0C, sau 24 giờ hủy mẫu lưu [H3-3.4-03]; [H3-3.4-04].

Mức 2:

Bếp ăn của nhà trường đảm bảo diện tích 109,8m^2/310 trẻ bình quân 0,3m^2/trẻ. Gồm có khu sơ chế, khu chế biến, khu nấu ăn, khu chia thức ăn; được thiết kế và tổ chức theo dây chuyền hoạt động một chiều [H3-3.4-01]. Nhà bếp được trang bị đầy đủ vật dụng phục vụ cho trẻ ăn bán trú tại trường; có dụng cụ chế biến thực phẩm bằng inox đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm. Có tủ lạnh để lưu mẫu thực phẩm. Có đủ nước sử dụng đảm bảo cho việc nấu ăn và sinh hoạt hằng ngày của trẻ, chất lượng nước được cơ quan y tế kiểm định theo định kỳ 02 lần/ năm [H3-3.4-05]. Có vật dụng chứa rác thải, nhà trường hợp đồng với công ty môi trường để xử lý rác [H3-3.4-06]; [H3-3.4-07]. Hệ thống gas được bố trí ở khu vực thoáng mát, đặt ở ngoài nhà bếp, có bệ đỡ và mái che để bảo đảm an toàn tuyệt đối cho nhân viên, có trang bị các bình chữa cháy gần khu vực bếp để phòng trường hợp hỏa hoạn [H3-3.4-08].

Mức 3:

Khối phòng tổ chức bếp ăn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non, cụ thể: Tường, trần nhà nhẵn, bằng phẳng, sơn màu sáng, không có

nhiều góc cạnh và khe rãnh, thuận tiện cho việc khử trùng. Nhà trường dùng bếp điện (gas) nên khu vực nấu chính thoáng mát, có cửa sổ và hệ thống thông gió, nên nhiệt độ bếp không nóng mà thông thoáng [H3-3.4-01]. Các phương tiện, dụng cụ nhà bếp được làm bằng vật liệu inox thuận tiện cho việc làm vệ sinh. Bếp ăn sử dụng nguồn nước máy đã được kiểm nghiệm theo duy định [H3-3.4-05]. Việc thu gom xử lý rác được thực hiện trong ngày không có tình trạng tồn đọng mất vệ sinh [H3-3.4-07.

2. Điểm mạnh

Bếp ăn nhà trường được thiết kế đúng tiêu chuẩn. Có kho chứa thực phẩm riêng biệt, sạch sẽ, an toàn, có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn hằng ngày và thực hiện bếp theo nguyên tắc một chiều. Sử dụng nguồn nước máy trong chế biến thức ăn, rác thải được thu gom hằng ngày, hệ thống điện (gas) được bố trí ở khu vực thoáng mát, đặt ở ngoài nhà bếp, có bệ đỡ và mái che, các bình chữa cháy đặt gần khu vực bếp để phòng trường hợp hỏa hoạn.

3.4.3. Điểm yếu

Diện tích nhà bếp còn hạn chế.

3.4.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2020-2021 và những năm tiếp theo nhà trường tiếp tục thực hiện quy trình bếp một chiều, thực hiện lưu mẫu thức ăn theo đúng quy định đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

3.4.5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi

Mức 1:

a) Có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;

b) Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định phải đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học.

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định.

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

3.5.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em quy định tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/3/2015 Ban hành danh mục đồ dùng - đồ chơi -thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non [H1-1.4-06].

b) Ngoài các đồ dùng, đồ chơi được trang bị, cô và trẻ cùng tạo ra các đồ dùng, đồ chơi phong phú, đa dạng bằng các nguyên vật liệu mở để phục vụ cho quá trình tổ chức hoạt động học, rèn kỹ năng trong giờ học và vui chơi. Các đồ dùng tự tạo luôn đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ [H3-3.5-01].

c) Nhà trường có kế hoạch bảo quản, sửa chữa, thay thế, bổ sung nâng cấp các thiết bị đồ dùng đồ chơi hằng năm vào tháng 8 chuẩn bị cho năm học mới và sau các đợt kiểm tra đồ dùng đồ chơi. Kế toán có sổ quản lý theo dõi lưu hồ sơ về duyệt chi cho gia cố, cải tạo, thay thế, sửa chữa, bổ sung nâng cấp thiết bị đồ dùng, đồ chơi [H1-1.6-01]; [H3-3.5-02].

Mức 2:

a) Trường trang bị 13 máy tính kết nối internet, có mạng nội bộ.Trong đó, 03 máy dùng cho quản lý, 10 máy vi tính dùng cho dạy học tại các lớp [H1-1.6-02]; [H1-1.8-03].

b) Thiết bị dạy học đầy đủ theo quy định. Các trang thiết bị được giáo viên sử dụng hiệu quả như soạn giảng bằng phần mềm Mindjet Mindmanager để theo dõi kế

hoạch, học hỏi kinh nghiệm giáo án, điều chỉnh kế hoạch sau góp ý của cán bộ quản lý [H1-1.8-03].

c) Hằng năm, nhà trường có bổ sung thêm các thiết bị dạy học ngoài danh mục tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non quy định tại Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23 tháng 3 năm 2015 [H3-3.5-01]. Các thiết bị dạy học do giáo viên tự làm đa dạng, phong phú, phù hợp với từng lứa tuổi và mục tiêu của Chương trình giáo dục mầm non. Tuy nhiên, đồ chơi giáo viên tự làm không bền do sử dụng bằng các nguyên vật liệu tái chế [H3-3.5-03].

Mức 3:

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định được giáo viên khai thác và sử dụng hiệu quả, nhằm giúp trẻ tích cực tham gia hoạt động, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Tuy nhiên chất liệu làm đồ dùng, đồ chơi chưa được bền [H3-3.5-01]; [H3-3.5-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường trang bị đầy đủ đồ dùng, đồ chơi theo danh mục; đồ chơi ngoài trời đảm bảo an toàn, có kiểm tra cơ sở vật chất hằng năm để kịp thời sửa chữa và bổ sung trang thiết bị.

3. Điểm yếu

Đồ chơi ở các góc của giáo viên tự làm độ bền chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2020-2021 và những năm tiếp theo cán bộ quản lý phát huy hiệu quả sử dụng các trang thiết bị, đồ dùng. Đồng thời, phân công phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục chỉ đạo, hướng dẫn giáo viên sử dụng chất liệu bền để làm đồ chơi, đồ dùng dạy học.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

6. Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo không ô nhiễm môi trường; phòng vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho trẻ khuyết tật;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định.

b) Hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

3.6.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có đầy đủ khu vệ sinh và đảm bảo theo quy định, thuận tiện cho trẻ và cán bộ, giáo viên, nhân viên sử dụng. Các khu vệ sinh được khử trùng, chà rửa hằng ngày, không để ẩm ướt, đảm bảo không ô nhiễm môi trường. Nhà trường không có trẻ em khuyết tật nên không có phòng vệ sinh dành riêng cho trẻ khuyết tật [H3-3.1-01]; [H3-3.6-01].

b) Hệ thống thoát nước, cống rãnh luôn đảm bảo vệ sinh an toàn, không có trường hợp nước bị ứ đọng gây ô nhiễm môi trường và phát sinh bệnh [H3-3.1-01]. Hệ thống nước được kiểm nghiệm của cơ quan y tế, đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ [H3-3.4-05].

c) Nhà trường có trang bị các thùng rác để phân loại rác có nắp đậy, đảm bảo vệ sinh môi trường sạch sẽ. Hệ thống thu gom và xử lý rác được đơn vị Vệ sinh môi trường thu gom rác hằng ngày [H3-3.4-06]; [H3-3.4-07].

Mức 2:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ có tổng diện tích là 105,7m^2/310 trẻ, bình quân 0,3m^2/trẻ, có chỗ riêng cho trẻ em trai, trẻ em gái. Với số bồn tiểu cho nam 26 cái, bồn rửa tay 28 cái; số chậu xí cho nữ 26 cái; Số vòi nước trong sân trường, nhà ăn: 06 cái.

Phòng vệ sinh được xây dựng liền kề với phòng sinh hoạt chung, thuận thiện cho sử dụng và dễ quan sát. Nhà vệ sinh cho cán bộ tại phòng làm việc có diện tích là 21m^2, nhà vệ sinh của nhân viên được bố trí tại tầng trệt với diện tích 20m^2. Tuy nhiên chưa có nhà vệ sinh dành riêng cho nhân viên nam [H3-3.6-01].

b) Nhà trường sử dụng nguồn nước của Công ty cấp nước Gia Định đủ điều kiện cung cấp nước ăn uống và nước sinh hoạt [H3-3.6-02]; Nước uống tinh khiết đạt tiêu chuẩn và được kiểm định theo đúng quy định 02 lần/ năm [H3-3.6-03]; Hệ thống cống rãnh thoát nước thuận lợi, khu vực nhà bếp, nhà vệ sinh có hệ thống thoát nước riêng biệt [H3-3.1-01]; có đầy đủ trang thiết bị đựng rác thải, việc thu gom và xử lý rác thải được thực hiện hằng ngày, không để tồn đọng gây mất vệ sinh đáp ứng theo quy định [H3-3.4-06]; [H3-3.4-07].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ khu vệ sinh đảm bảo theo quy định, thuận tiện cho trẻ và cán bộ, giáo viên, nhân viên khi sử dụng. Có hệ thống nước sạch và hệ thống thoát nước hợp lý. Việc thu gom rác thải thực hiện mỗi ngày, không để rác tồn đọng gây mất vệ sinh.

3.6.3. Điểm yếu

Nhà vệ sinh cho cán bộ, nhân viên chưa thiết kế khu vực vệ sinh dành riêng cho nam.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2020-2021 và những năm tiếp, theo phó hiệu trưởng tiếp tục thực hiện quy định của y tế về việc đảm bảo vệ sinh hệ thống thoát nước, xét nghiệm mẫu nước định kỳ. Đồng thời, hiệu trưởng liên hệ với bộ phận sửa chữa để cải tạo làm khu vực vệ sinh dành riêng cho nam.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Điểm mạnh nổi bật:

Nhà trường có diện tích, khuôn viên và các công trình đảm bảo yêu cầu về thiết kế theo quy định của Điều lệ trường mầm non.

Có các khối phòng hành chính quản trị, phòng sinh hoạt chung, hiên chơi, nhà bếp đảm bảo đầy đủ các điều kiện và tiêu chuẩn của trường mầm non.

Khu vực sân chơi rộng rãi bằng phẳng, có mái hiên di động và cây xanh che bóng mát; nhiều loại đồ chơi ngoài trời đa dạng phong phú, đảm bảo an toàn phù hợp với trẻ, giúp trẻ phấn khởi, hứng thú khi tham gia sinh hoạt, vui chơi ngoài trời.

Có nguồn nước sạch và hệ thống cống rãnh hợp vệ sinh. Xử lý rác thải hằng ngày, không gây ô nhiễm môi trường.

Điểm yếu cơ bản:

Phòng hành chính (văn phòng) chưa đảm bảo diện tích theo quy định.

Nhà vệ sinh cho cán bộ, nhân viên chưa thiết kế khu vực vệ sinh dành riêng cho nam.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 06/06.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/06.

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu

Việc đào tạo và giúp trẻ phát triển toàn diện là nhiệm vụ rất quan trọng vì vậy đòi hỏi phải có sự nhất quán và kết hợp của nhiều yếu tố; trong đó mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội là ba nhân tố quan trọng. Gia đình là trường dạy học đầu tiên của trẻ, nơi đó trẻ được yêu thương trong vòng tay của gia đình, ba mẹ và những người thân. Nhà trường là nơi truyền đạt kiến thức. Xã hội là môi trường thực tế mà trẻ sống, trẻ va chạm từ đó trẻ có thể rèn luyện một số kỹ năng trong cuộc sống. Nhận thấy được tầm quan trọng này, Trường Mầm non Mai Thôn luôn cố gắng để xây dựng mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội chặt chẽ nhằm tạo cho trẻ một môi trường giáo dục tốt nhất, nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ.

4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

4.1.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Ban đại diện cha mẹ trẻ em được thành lập theo từng năm học do cha mẹ trẻ em của 10 lớp đề cử và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ trẻ em [H4-4.1-01].

b) Ban đại diện cha mẹ trẻ em của trường có kế hoạch hoạt động theo năm học cụ thể, Ban đại diện họp định kỳ 03 lần/ năm (đầu năm học; học kỳ I; tổng kết năm học) và đột xuất khi có yêu cầu. Cha mẹ trẻ phối hợp cùng nhà trường thực hiện tốt công tác chăm sóc, giáo dục trẻ [H4-4.1-01].

c) Ban đại diện cha mẹ trẻ em luôn quan tâm và phối hợp tốt với nhà trường tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ [H4-4.1-01].

Mức 2

Những năm qua, Ban đại diện cha mẹ trẻ em phối hợp rất tốt với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ, trong công tác xã hội hoá giáo dục đạt hiệu quả cao, thực hiện công khai rõ ràng minh bạch [H4-4.1-01].

Mức 3

Việc phối hợp với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ trẻ em chưa hiệu quả do Ban đại diện cha mẹ trẻ em thường xuyên công tác xa nên đôi lúc phối hợp với nhà trường chưa kịp thời [H4-

4.1-01].

2. Điểm mạnh

Trường có Ban đại diện cha mẹ trẻ em hoạt động theo đúng quy định; Ban đại diện cha mẹ trẻ em phối hợp tốt trong công tác chăm sóc giáo dục trẻ của nhà trường.

3. Điểm yếu

Ban đại diện cha mẹ trẻ em do thường xuyên công tác xa nên đôi lúc phối hợp với nhà trường chưa kịp thời.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2020-2021 và những năm tiếp theo hiệu trưởng tiếp tục duy trì hoạt động của Ban đại diện cha mẹ trẻ em trong công tác phối hợp chăm sóc, giáo dục trẻ. Cán bộ quản lý gửi Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh cho các thành viên Ban đại diện cha mẹ trẻ em tham khảo để cùng phối hợp tốt với nhà trường nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ. Đồng thời, vận động những cha mẹ trẻ hay đi công tác xa giữ mối liên hệ chặt chẽ với nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường từng bước thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

4.2.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Hằng năm, nhà trường chủ động tham mưu với Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh để được phê duyệt kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục [H1-1.1-03]; Phối hợp với Công an Phường 28 để ký kết kế hoạch, đảm bảo an ninh trật tự trường học [H1-1.10-01]; Phối hợp với Trạm Y tế phường tổ chức cho trẻ khám sức khỏe, uống vitamin A [H4-4.2-01].

b) Thông qua các buổi họp cha mẹ trẻ em định kỳ, qua bảng tin của trường,lớp, qua hệ thống tuyên truyền của địa phương, qua đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường để thực hiện việc tuyên truyền về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục đến cha mẹ trẻ em và người dân [H4-4.2-02].

Nhà trường làm tốt công tác huy động và sử dụng các nguồn kinh phí hỗ trợ từ quỹ cha mẹ trẻ em vào việc khen thưởng trẻ vào cuối năm học; tổ chức các lễ hội;[H4-4.1-01].

Mức 2

a) Nhà trường tham mưu với Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh để được phê duyệt phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường [H1-1.1-01]. Bên cạnh đó, nhà trường tích cực tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện, hỗ trợ cho nhà trường bằng các hình thức: hỗ trợ bảo vệ an ninh trật tự, kế hoạch về phương hướng chiến lược của nhà trường, chỉ đạo các tổ chức xã hội cùng phối kết hợp làm tốt công tác huy động trẻ trong độ tuổi trên địa bàn ra lớp [H1-1.1-04].

b) Nhà trường phối hợp với Ban đại diện cha mẹ trẻ em và các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương: Ngày hội bé đến trường, Trung Thu, Ngày nhà giáo Việt Nam,

Noel, Mừng xuân, Tổng kết năm học [H4-4.2-03].

Mức 3

Hiệu trưởng tham mưu với chính quyền địa phương trong việc thực hiện mục tiêu giáo dục. Tuy nhiên, chưa có sự phối hợp hiệu quả với các tổ chức, cá nhân để xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương [H1-1.1-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương tạo điều kiện từng bước xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển giáo dục phù hợp. Bằng nhiều hình thức thực hiện việc tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục đến cha mẹ trẻ em. Có sự phối kết hợp để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện phù hợp với truyền thống của địa phương.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có sự phối hợp hiệu quả với các tổ chức, cá nhân để xây dựng đơn vị trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2020-2021 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục phối hợp với Ban đại diện cha mẹ trẻ em trong việc tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ; Xây dựng kế hoạch trong việc phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân để xây dựng đơn vị trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

4.2.5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Điểm mạnh nổi bật:

Nhà trường có thành lập Ban đại diện cha mẹ trẻ em và hoạt động đúng theo điều lệ; bên cạnh đó, nhà trường chủ động phối hợp với cha mẹ trẻ để nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ.

Nhà trường chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và phối hợp với các tổ chức đoàn thể, cá nhân để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển giáo dục, tổ chức các hoạt động lễ hội,

sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống.

Điểm yếu cơ bản:

Nhà trường chưa có sự phối hợp hiệu quả với các tổ chức, cá nhân để xây dựng đơn vị trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 01/02.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 01/02.

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

Mở đầu

Giáo dục mầm non là bậc học đầu tiên trong hệ thống giáo dục. Nhiệm vụ quan trọng của giáo dục mầm non là giáo dục toàn diện cho trẻ về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, thẩm mỹ và phát triển tình cảm xã hội qua đó giúp trẻ hình thành nhân cách con người và là hành trang vững chắc cho trẻ bước vào đời. Vì thế, việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non là nhiệm vụ hàng đầu và là yếu tố cấp thiết để giúp trẻ phát triển và hình thành nhân cách.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non

Mức 1:

a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch;

b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với điều kiện nhà trường;

c) Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp.

Mức 2:

a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng.

b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ.

Mức 3:

a) *Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của nhà trường, địa phương.*

b) Hằng năm, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch theo Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong việc xây dựng Kế hoạch theo năm, tháng, ngày phù hợp với địa phương, nhà trường, khả năng của trẻ [H1-1.1-03]; [H1-1.8-03].

b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp với quy định về chuyên môn của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh, với điều kiện thực tế nhà trường [H1-1.1-03]. Tổ chức các hoạt động giáo dục theo mục tiêu đề ra nhằm giúp trẻ phát triển toàn diện, hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm - kỹ năng xã hội và thẩm mỹ [H1-1.8-03]; [H5-5.1-01].

c) Cán bộ quản lý, khối trưởng thường xuyên giám sát kế hoạch của từng lớp và thực hiện báo cáo vào đầu tuần. Xây dựng kế hoạch kiểm tra việc thực hiện chương trình, có kế hoạch dự giờ và kiểm tra các hoạt động trong ngày, kiểm tra kế hoạch lớp, do vậy kế hoạch của lớp được cập nhật thường xuyên, việc điều chỉnh chương trình kịp thời và hiệu quả hơn [H1-1.4-12]; [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02].

Mức 2

a) Nhà trường tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng: Giáo viên nắm bắt được khả năng của trẻ để xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp; Tổ chức theo hướng tích hợp các phương pháp và tổ chức các hoạt động dưới nhiều hình thức đa dạng. Giáo viên thể hiện phong cách tự nhiên trong quá trình tổ chức hoạt động, chú trọng cho trẻ được khám phá, trải nghiệm, được thảo luận, trao đổi và chia sẻ

những thắc mắc cùng cô và bạn, xử lý được các tình huống trong quá trình tổ chức hoạt động. Nhà trường tổ chức thao giảng bồi dưỡng những chuyên đề trọng tâm và chuyên đề củng cố theo chỉ đạo của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh. Tuy nhiên, 03/20 giáo viên mới còn gặp khó khăn trong việc xây dựng kế hoạch giáo dục, còn vướng mắc khi đối chiếu các nội dung từ tuần qua tháng, tháng qua năm và tổ chức hoạt động học chưa linh hoạt, chưa tạo cơ hội để trẻ sửa sai mà cô còn làm thay cho trẻ [H1-1.7-02]; [H1-1.7-03]; [H1-1.8-03].

b) Nhà trường có bồi dưỡng, hướng dẫn giáo viên biết lựa chọn mục tiêu, nội dung giáo dục mang tính phát triển theo Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ [H1-1.1-04]. Giáo viên căn cứ vào chương trình giảng dạy tổ chức các giờ học, vui chơi, tổ chức giờ học ngoại khóa giúp trẻ biết được các đặc điểm nổi bật của các danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử của quận Bình Thạnh, hiểu ý nghĩa của các ngày lễ hội, sự kiện trong năm phù hợp với văn hóa địa phương [H1-1.8-03]; [H4-4.2-03]; [H5-5.1-02].

Mức 3

a) Nhà trường chưa thực hiện được việc phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành dựa trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới [H1-1.1-04].

b) Hằng năm, nhà trường có tổng kết, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non, từ đó có biện pháp để điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ thông qua báo cáo hằng tháng và triển khai trong các buổi họp [H1-1.4-12]; [H5-5.1-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định. Phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với điều kiện thực tế của trường, lớp. Hằng năm, nhà trường tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp.

3. Điểm yếu

Việc phát triển chương trình giáo dục chỉ căn cứ theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, chưa tham khảo mô hình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2020-2021 và những năm tiếp theo, cán bộ quản lý tiếp tục xây dựng Chương trình giáo dục mầm non theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, phù hợp với quy định về chuyên môn của cơ quản quản lý giáo dục địa phương và tham khảo thêm chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới theo hướng dẫn của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh để phát triển chương trình giáo dục tùy vào điều kiện thực tế nhà trường. Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục sâu sát giúp đỡ, bồi dưỡng giáo viên mới xây dựng kế hoạch; Tạo điều kiện cho giáo viên mới được dự giờ, học hỏi đồng nghiệp, xem đĩa ghi hình các hoạt động giáo dục trường bạn để nâng cao chuyên môn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ

Mức 1:

a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường;

b) Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm;

c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 2:

Tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 3:

Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm "chơi mà học, học bằng chơi".

5.2.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Có 20/20 giáo viên thực hiện nghiêm túc các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ trên cơ sở Chương trình giáo dục mầm non, mục tiêu cuối độ tuổi, bộ chuẩn phát triển trẻ năm tuổi để lựa chọn mục tiêu, nội dung giáo dục cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển của trẻ, từ đó xây dựng giáo án với các hoạt động, phương pháp phù hợp với mục tiêu và khả năng của trẻ ở lớp. Giáo viên luôn vận dụng linh hoạt nhiều phương pháp trong một giờ hoạt động tạo điều kiện cho trẻ được trải nghiệm, tìm tòi khám phá môi trường xung quanh, qua đó giúp trẻ hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách và phát triển những kỹ năng sống cần thiết phù hợp lứa tuổi và điều kiện nhà trường. Tuy nhiên, 03/20 giáo viên còn thiếu kinh nghiệm, thiếu linh hoạt trong việc tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ [H1-1.7-02]; [H1-1.7-03]; [H1-1.8-03].

b) Giáo viên tổ chức xây dựng môi trường giáo dục theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm nhằm tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm dựa trên hứng thú, nhu cầu của trẻ; Đánh giá đúng, tôn trọng và phát huy được khả năng, thế mạnh của mỗi trẻ; Tạo điều kiện giúp mỗi đứa trẻ đều có cơ hội tốt nhất để phát triển theo từng lứa tuổi [H1-1.7-02]; [H1-1.8-03]; [H5-5.2-01].

c) Hằng năm, nhà trường tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng như: cho trẻ được tham gia học tập ngoại khóa; Thực hành kỹ năng xử lý tình huống khi gặp hỏa hoạn; Tham quan trường tiểu học và các sự kiện lễ hội của trường như: Ngày hội bé đến trường, Bé vui trung thu, Mừng 20/11, Noel, Tết nguyên đán, lễ tổng kết nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục cũng như tạo hứng thú cho trẻ trong việc tiếp thu những kiến thức khi tham gia các hoạt động [H4-4.2-03]; [H5-5.1-02].

Mức 2

Từ môi trường hoạt động đã được thiết kế giáo viên các lớp thường xuyên tổ chức các hoạt động giúp cho trẻ được thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh bằng nhiều cách khác nhau phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ và điều

kiện thực tế. Tuy nhiên, 03/20 giáo viên chưa tận dụng hết các cơ hội để trẻ thể hiện những hiểu biết và chia sẻ cùng bạn [H1-1.7-02]; [H5-5.2-02].

Mức 3

Tổ chức môi trường trong và ngoài lớp phù hợp với nhu cầu và khả năng của trẻ. Ở các lớp mỗi góc chơi đều được thiết kế theo hướng mở, trẻ có thể lựa chọn vai chơi theo ý thích từ những đồ chơi mà giáo viên đã chuẩn bị sẵn. Các nguyên vật liệu mở được sắp xếp dễ thấy, dễ lấy, giúp trẻ hứng thú trong hoạt động vui chơi học tập. ở các góc chơi trẻ có nhiều cơ hội vui chơi trải nghiệm theo phương châm "chơi mà học, học bằng chơi". Ví dụ như ở góc khám phá khoa học trẻ được chơi với các thỏi nam châm và nhận thấy nam châm có thể hút sắt, không thể hút được các vật liệu khác. Hay với khu vui chơi khám phá âm thanh ngoài trời, trẻ dùng những thanh gỗ để gõ vào những lon bia, nắp nồi, chai nhựa, ống tre tạo ra những âm thanh ngỗ nghĩnh vui tai từ đó giúp trẻ nhận biết mỗi chất liệu có sẽ tạo ra các âm thanh khác nhau; cùng chất liệu những độ mỏng dày khác nhau thì âm thanh tạo ra cũng khác nhau [H1-1.7-02]; [H5-5.2-01]; [H5-5.2-02].

2. Điểm mạnh

Giáo viên thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ mầm non và điều kiện thực tế; xây dựng môi trường giáo dục để trẻ được hoạt động vui chơi, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh theo phương châm "chơi mà học, học bằng chơi".

3. Điểm yếu

03/20 giáo viên chưa tận dụng hết các cơ hội để trẻ thể hiện những hiểu biết và chia sẻ cùng bạn khi tổ chức các hoạt động cho trẻ được thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2020-2021 và những năm tiếp theo cán bộ quản lý tiếp tục chỉ đạo giáo viên thực hiện linh hoạt các phương pháp tổ chức các hoạt động và xây dựng môi trường giáo dục theo hướng phát triển tính chủ động, sáng tạo của trẻ bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi và điều kiện thực tế. Hiệu trưởng phân công phó hiệu

trưởng chăm sóc giáo dục xây dựng kế hoạch bồi dưỡng giáo viên còn hạn chế dự giờ, học hỏi đồng nghiệp trong công tác tổ chức lớp học, hướng dẫn cho giáo viên cách giải quyết tình huống khi tổ chức hoạt động cho trẻ qua các buổi sinh hoạt chuyên môn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khoẻ

Mức 1:

a) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ;

b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định;

c) Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 2:

a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ.

b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định.

c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 3:

Có ít nhất 95% trẻ em khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.

5.3.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Ngay từ đầu năm học, nhà trường kiện toàn Ban sức khỏe y tế trường học theo đúng hướng dẫn, xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai công tác chăm sóc và giáo dục sức khỏe cho trẻ và phòng chống các dịch bệnh [H1-1.10-05]. Lên kế hoạch tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho trẻ em 02 lần/ 01 năm [H4-4.2-01]. Phối hợp với Trung tâm y tế quận Bình Thạnh và Trạm y tế Phường 28 khám sức khỏe định kỳ và tiêm chủng phòng bệnh cho trẻ trong năm [H5-5.3-01].

b)100% trẻ được cân đo, theo dõi sức khỏe định kỳ thông qua biểu đồ. Hằng

tháng cán bộ y tế, giáo viên theo dõi cân nặng và chiều cao đối với trẻ suy dinh dưỡng nhẹ cân, suy dinh dưỡng thấp còi, trẻ thừa cân béo phì, kết hợp tuyên truyền với cha mẹ trẻ em biện pháp chăm sóc đặc biệt. Đối với các cháu bình thường nhà trường theo dõi cân nặng, chiều cao 01 quý/lần [H5-5.3-02]; [H5-5.3-03].

c) Nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng chăm sóc đặc biệt 100% đối với trẻ suy dinh dưỡng nhẹ cân, suy dinh dưỡng thấp còi qua việc bổ sung các loại thực phẩm giàu đạm như: Sữa, phô mai, yaourt, bánh flan. 100% trẻ thừa cân, nhà trường được tăng cường thêm các loại rau củ hấp như: củ sắn, bắp cải, su su... Ngoài chế độ ăn, nhà trường còn tăng cường thêm vận động cho trẻ thừa cân và thời gian vui chơi tắm nắng ngoài trời cho trẻ suy dinh dưỡng [H5-5.3-04].

Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021, nhà trường có số trẻ suy dinh dưỡng và thừa cân, béo phì cụ thể:

Số trẻ suy dinh dưỡng:

Năm học	**2016-2017**		**2017-2018**		**2018-2019**		**2019-2020**		**2020-2021**	
	Đầu vào	Đầu Ra	Đầu Vào	Đầu Ra	Đầu vào	Đầu ra	Đầu vào	Đầu ra	Đầu vào	Đầu ra
Suy dinh dưỡng nhẹ cân	10 (3,2%)	0 (0%)	04 (3%)	04 (1,5%)	03 (2,3%)	02 (1,4%)	08 (1,3%)	06 (1,3%)	03 (1,9%)	02 (1,3%)
Suy dinh dưỡng thấp còi	04 (1,3%)	0 (0%)	06 (0,6%)	06 (0,6%)	02 (0,6%)	0 (0%)	07 (0,7%)	05 (0,7%)	01 (1,3%)	0 (0,6%)

Số trẻ thừa cân béo phì:

Năm học	**2016-2017**		**2017-2018**		**2018-2019**		**2019-2020**		**2020-2021**	
	Đầu vào	Đầu ra	Đầu vào	Đầu ra	Đầu vào	Đầu ra	Đầu vào	Đầu ra	Đầu vào	Đầu ra
Nhà trẻ	0	0	04	03	02	02	03	02	05	04
Mẫu giáo	15	13	28	28	21	21	62	49	48	45
Giảm %	02/15	13,3%	03/40	7,5%	03/36	8,3%	02/43	4,7%	02/27	7,4%

M

ức

2:

a) Năm học 2020-2021, nhà trường tuyên truyền đến cha mẹ trẻ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ thông qua buổi họp cha mẹ trẻ em và trong giờ đón, trả trẻ [H5-5.3-05].

b) Nhà trường tính khẩu phần dinh dưỡng cho trẻ bằng phần mềm Gokids đảm bảo cân đối theo quy định của Sở và Phòng Giáo dục và Đào tạo; xây dựng thực đơn đa dạng món ăn, đa dạng thực phẩm thay đổi hằng ngày, hằng tuần, có lưu ý thực phẩm theo mùa, có thực phẩm bổ sung hằng ngày cho trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân béo phì. Món ăn được chế biến ngon, hấp dẫn trẻ; được cha mẹ trẻ đánh giá, ghi nhận qua các buổi họp cha mẹ trẻ em, qua sổ bé ngoan [H5-5.3-06].

c) Nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng chăm sóc đặc biệt 100% đối với trẻ suy dinh dưỡng nhẹ cân, suy dinh dưỡng thấp còi qua việc bổ sung các loại thực phẩm giàu đạm như: Sữa, phô mai, yaourt, bánh flan. 100% trẻ thừa cân, nhà trường được tăng cường thêm các loại rau củ hấp như: Củ sắn, bắp cải, su su... Ngoài chế độ ăn, nhà trường còn tăng cường thêm vận động cho trẻ thừa cân béo phì và thời gian vui chơi tắm nắng ngoài trời cho trẻ suy dinh dưỡng. Trẻ có chiều cao, cân nặng, phát triển bình thường theo độ tuổi đạt 97,6% (293/300); Kết quả phục hồi trẻ suy dinh dưỡng nhẹ cân giảm 04/06 tỷ lệ 66,7%; trẻ suy dinh dưỡng thấp còi giảm 02/04 tỷ lệ 50%; trẻ thừa cân béo phì giảm 32/43 tỷ lệ 74,5%. Còn lại 11/43 tỷ lệ 25,5% trẻ thừa cân béo phì tốc độ giảm cân còn chậm, chưa được cải thiện nhiều so với đầu năm học [H5-5.3-04].

Mức 3

Nhà trường chú trọng thực hiện công tác chăm sóc nuôi dưỡng trẻ bằng nhiều hình thức và biện pháp khác nhau. Thông qua các hoạt động hằng ngày trẻ được vệ sinh, ăn, ngủ, vui chơi, hoạt động một cách phù hợp. Năm học 2020-2021, trường có 293/300 trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường đạt 97,6% [H5-5.3-02]; [H5-5.3-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện tốt các biện pháp chăm sóc nuôi dưỡng và sức khỏe cho trẻ, số trẻ suy dinh dưỡng giảm hằng năm, hạn chế được tốc độ tăng cân của trẻ thừa cân béo phì.

3. Điểm yếu

Tỷ lệ trẻ thừa cân, béo phì chưa được cải thiện so với đầu năm học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm 2020-2021 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục tăng cường công tác phối hợp với cơ sở y tế tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ, tăng cường các hình thức tuyên truyền phong phú, đa dạng hơn và chỉ đạo phó hiệu trưởng chăm sóc, nuôi dưỡng đề ra các giải pháp thiết thực phù hợp với tình hình thực tế phòng chống suy dinh dưỡng, thừa cân - béo phì cho trẻ để nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ đạt hiệu quả cao nhất.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục

Mức 1:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 85% đối với trẻ 5 tuổi, 80% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 85%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 80%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân.

Mức 2:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 95% đối với trẻ 5 tuổi, 90% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi.

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 95%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90%.

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 80%.

Mức 3:

a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 97%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 95%.

b) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 85%.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Tỷ lệ chuyên cần trẻ 5 tuổi đạt 92,1%. Tỉ lệ chuyên cần trẻ dưới 5 tuổi đạt 88,6% [H1-1.5-01].

Độ tuổi	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021
Trẻ em từ 3-4 tuổi	85,7%	86,5%	89,4%	89,2%	88,3%
Trẻ em từ 4-5 tuổi	90,8%	87,6%	89,7%	91,4%	87,1%
Trẻ em từ 5-6 tuổi	91,8%	93,8%	90,7%	92,3%	92%

b) Trẻ 5 tuổi tại trường đạt 100% trẻ hoàn thành theo Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định [H5-5.4-01].

c) Nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.1-04].

Mức 2

a) Tỷ lệ chuyên cần trẻ 5 tuổi đạt 92,1%. Tỉ lệ chuyên cần trẻ dưới 5 tuổi đạt 88,6% [H1-1.5-01].

b) Trẻ 5 tuổi tại trường đạt 100% trẻ hoàn thành theo Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định [H5-5.4-01].

c) Nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.1-04].

Mức 3

a) Trẻ 5 tuổi tại trường đạt 100% trẻ hoàn thành theo Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định [H5-5.1-01]; [H5-5.4-01].

b) Nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.1-04].

2. Điểm mạnh:

Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình đạt 100%.

3. Điểm yếu:

Còn 7,8% trẻ 5-6 tuổi chưa đạt tỷ lệ chuyên cần.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm học 2020-2021 và những năm tiếp theo, phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục tiếp tục xây dựng kế hoạch bồi dưỡng giáo viên nhằm nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình với bộ chuẩn dành cho trẻ 5 tuổi. Trang bị thêm đồ dùng, đồ chơi giúp trẻ vui thích đến trường. Duy trì những biện pháp đã thực hiện nhằm động viên trẻ đi học đều nâng tỷ lệ chuyên cần lên 97% ở từng năm.

1. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Điểm mạnh nổi bật:

Nhà trường luôn tạo điều kiện để 100% trẻ được phát triển theo kết quả mong đợi của Chương trình Giáo dục mầm non, tạo cơ hội cho trẻ được giao lưu với các bạn trong lớp cũng như các bạn ở độ tuổi khác. Các giáo viên luôn theo dõi, đánh giá trẻ để có biện pháp chăm sóc giáo dục phù hợp, đồng thời luôn có kế hoạch và biện pháp để giúp trẻ phát triển một cách toàn diện theo yêu cầu của độ tuổi.

Điểm yếu cơ bản:

Việc phát triển Chương trình giáo dục mầm non chỉ căn cứ theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, chưa tham khảo mô hình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới.

Tỷ lệ trẻ thừa cân, béo phì cải thiện chưa đạt hiệu quả.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 04/04.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/04.

III. KẾT LUẬN CHUNG

Thực hiện quy trình kiểm định chất lượng trường mầm non, Trường Mầm non Mai Thôn đã triển khai và tiến hành công tác tự đánh giá để tự xem xét về hiện trạng và hiệu quả các hoạt động giáo dục, qua đó chỉ ra điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí trong các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Công tác tự đánh giá không chỉ giúp nhà trường có cái nhìn tổng quát về thực trạng chất lượng các hoạt động giáo dục mà còn giúp nhà trường hiểu rõ mức độ yêu cầu cần đạt được của từng chỉ báo, từng tiêu chí cụ thể. Việc xác định rõ điểm mạnh, điểm yếu giúp nhà trường có kế hoạch cải tiến chất lượng thích hợp hơn nhằm

đạt mục tiêu đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường.

Với mục tiêu xây dựng và phát triển nhà trường ngày càng vững mạnh, tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và các cháu Trường Mầm non Mai Thôn không ngừng cố gắng duy trì và phát huy những điểm mạnh. Bên cạnh đó nhằm đẩy mạnh chất lượng giáo dục của nhà trường, cán bộ quản lý đã có sự quan tâm, chỉ đạo các hoạt động quản lý tài chính, cơ sở vật chất, cũng như phối hợp tốt với các lực lượng tổ chức xã hội trong và ngoài nhà trường, góp phần vào việc chăm sóc, giáo dục trẻ đáp ứng nhu cầu của xã hội hiện nay.

Kết quả tự đánh giá như sau:

* Mức 1:
  - Số lượng và tỷ lệ các tiêu chí đạt: 25/25, tỷ lệ: 100%.
  - Số lượng và tỷ lệ các tiêu chí không đạt: 00/25, tỷ lệ: 00%.
* Mức 2:
  - Số lượng và tỷ lệ các tiêu chí đạt: 02/25, tỷ lệ: 08%.
  - Số lượng và tỷ lệ các tiêu chí không đạt: 23/25, tỷ lệ: 92%.
* Mức 3:
  - Số lượng và tỷ lệ các tiêu chí đạt: 00/19, tỷ lệ: 00%.
  - Số lượng và tỷ lệ các tiêu chí không đạt: 19/19, tỷ lệ: 100%.
  - Mức đánh giá của Trường Mầm non Mai Thôn: Mức 1.

Căn cứ theo Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non, Trường Mầm non Mai Thôn đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 1./.

Bình Thạnh, ngày 11 tháng 11 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hằng

Phụ lục 4
Bảng danh mục mã minh chứng

Tiêu chí	STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
Tiêu chí 1.1	01	[H1-1.1-01]	Phương hướng, chiến lược của nhà trường	Số 27/PHCL-MNMT Năm học 2015-2020	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	02	[H1-1.1-02]	Biên bản họp hội đồng sư phạm	Năm học 2015-2020	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	03	[H1-1.1-03]	Kế hoạch năm, tháng của nhà trường	Năm học 2015-2016 đến 2019-2020	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	04	[H1-1.1-04]	Báo cáo sơ kết, tổng kết năm học	Năm học 2015-2016 đến 2019-2020	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
Tiêu chí 1.2	01	[H1-1.2-01]	Hồ sơ Hội đồng trường	Năm học 2015-2016 đến 2019-2020	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	02	[H1-1.2-02]	Hồ sơ khen thưởng	Năm học 2015-2016 đến 2019-2020	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng

	03	[H1-1.2-03]	Hồ sơ chấm Giáo viên giỏi	Năm học 2015-2016 đến 2019-2020	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	04	[H1-1.2-04]	Hồ sơ tuyển sinh	Năm học 2015-2016 đến 2019-2020	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	05	[H1-1.2-05]	Hồ sơ sáng kiến	Năm học 2015-2016 đến 2019-2020	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
Tiêu chí 1.3	01	[H1-1.3-01]	Hồ sơ Công đoàn	Năm học 2015-2016 đến 2019-2020	Công đoàn	Phòng hiệu trưởng
	02	[H1-1.3-02]	Danh sách cán bộ, giáo viên, nhân viên.	Năm học 2015-2016 đến 2019-2020	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	03	[H1-1.3-03]	Giấy xác nhận giáo viên là nữ tu	Năm học 2015-2016 đến 2019-2020	Bề trên Dòng	Phòng hiệu trưởng
Tiêu chí 1.4	01	[H1-1.4-01]	Quyết định công nhận Hiệu trưởng	Số 7931/QĐ-UBND	Uỷ ban nhân dân quận Bình Thạnh	Phòng hiệu trưởng
	02	[H1-1.4-02]	Quyết định công nhận Phó hiệu trưởng	Số 6549/QĐ-UBND Số 3066/QĐ-UBND	Uỷ ban nhân dân quận Bình Thạnh	Phòng hiệu trưởng

	11	[H1-1.4-11]	Hồ sơ tổ chức chuyên đề	Năm học 2015-2016 đến 2019-2020	Phòng phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phòng phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục
	12	[H1-1.4-12]	Biên bản họp chuyên môn của hai phó hiệu trưởng	Năm học 2015-2016 đến 2019-2020	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục và chăm sóc nuôi dưỡng	Phòng phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục
Tiêu chí 1.5	01	[H1-1.5-01]	Sổ điểm danh lớn	Năm học 2015-2016 đến 2019-2020	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng
Tiêu chí 1.6	01	[H1-1.6-01]	Hồ sơ kế toán Quy chế chi tiêu nội bộ	Năm 2015 Năm 2016 Năm 2017 Năm 2018	Kế toán	Phòng hiệu trưởng

				Năm 2019		
	02	[H1-1.6-02]	Hợp đồng mạng	Năm học 2015-2016 đến 2019-2020	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng

	03	[H1-1.6-03]	Phần mềm bán trú	Năm học 2015-2016 đến 2019-2020	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phòng phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng
	04	[H1-1.6-04]	Hồ sơ kiểm tra hoạt động sư phạm	Năm học 2015-2016 đến 2019-2020	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
Tiêu chí 1.7	01	[H1-1.7-01]	Hồ sơ bồi dưỡng thường xuyên	Năm học 2015-2016 đến 2019-2020	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phòng phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục
	02	[H1-1.7-02]	Phiếu dự giờ hoạt động chăm sóc giáo dục, vui chơi	Năm học 2015-2016 đến 2019-2020	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phòng phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục
	03	[H1-1.7-03]	Phiếu dự giờ hoạt động chăm sóc nuôi dưỡng	Năm học 2015-2016 đến 2019-2020	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phòng phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng
	04	[H1-1.7-04]	Hồ sơ phòng chống cháy nổ	Năm học 2015-2016 đến 2019-2020	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng

	05	[H1-1.7-05]	Hồ sơ vệ sinh an toàn thực phẩm	Năm học 2015-2016 đến 2019-2020	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phòng phó hiệ trưởng chăm sc nuôi dưỡng

	06	[H1-1.7-06]	Hợp đồng lao động, khám sức khỏe định kỳ	Năm học 2015-2016 đến 2019-2020	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưở
	07	[H1-1.7-07]	Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	Năm học 2015-2016 đến 2019-2020	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưở
Tiêu chí 1.8	01	[H1-1.8-01]	Kế hoạch của phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Năm học 2015-2016 đến 2019-2020	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phòng phó hiệ trưởng chăm só giáo dục
	02	[H1-1.8-02]	Kế hoạch của phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Năm học 2015-2016 đến 2019-2020	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phòng phó hiệ trưởng chăm só nuôi dưỡng
	03	[H1-1.8-03]	Kế hoạch của giáo viên (Mindjet Mindmanager)	Năm học 2015-2016 đến 2019-2020	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phòng phó hiệ trưởng chăm só nuôi dưỡng

	04	[H1-1.8-04]	Sổ họp chuyên môn, bán trú	Năm học 2015-2016 đến 2019-2020	Giáo viên	Các lớp
Tiêu chí 1.9	01	[H1-1.9-01]	Hồ sơ Quy chế dân chủ	Năm học 2015-2016 đến 2019-2020	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưở
Tiêu chí 1.10	01	[H1-1.10-01]	Hồ sơ an ninh trật tự	Năm học 2015-2016 đến 2019-2020	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưở
	02	[H1-1.10-02]	Hồ sơ phòng, chống tai nạn thương tích	Năm học 2015-2016 đến 2019-2020	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưở
	03	[H1-1.10-03]	Hồ sơ phòng, chống dịch bệnh	Năm học 2015-2016 đến 2019-2020	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưở
	04	[H1-1.10-04]	Hồ sơ phòng, chống các tệ nạn xã hội và bạo lực	Năm học 2015-2016 đến 2019-2020	Nhân viên y tế	Phòng y tế
	05	[H1-1.10-05]	Hồ sơ y tế trường học	Năm học 2015-2016 đến 2019-2020	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưở

	06	[H1-1.10-06]	Hình ảnh hộp thư góp ý	Năm học 2015-2016 đến 2019-2020	Nhân viên y tế	Phòng y tế
Tiêu chí 2.1	01	[H2-2.1-01]	Hồ sơ Chuẩn hiệu trưởng, 02 phó hiệu trưởng	Năm học 2015-2016 đến 2019-2020	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưở
Tiêu chí 2.2	01	[H2-2.2-01]	Danh sách giáo viên đang theo học lớp liên thông	Năm học 2015-2016 đến 2019-2020	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưở
	02	[H2-2.2-02]	Hồ sơ đánh giá Chuẩn nghề nghiệp giáo viên	Năm học 2015-2016 đến 2019-2020	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưở
Tiêu chí 2.3	01	[H2-2.3-01]	Hồ sơ đào tạo, bồi dưỡng	Năm học 2015-2016 đến 2019-2020	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưở
Tiêu chí 3.1	01	[H3-3.1-01]	Hồ sơ thiết kế xây dựng trường		Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưở
	02	[H3-3.1-02]	Hình ảnh cổng trường, khuôn viên trường, sân chơi	Năm học 2015-2016 đến 2019-2020	Văn thư	Phòng phó hiệ trưởng chăm só giáo dục